UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Cần Thơ, ngày 18 tháng 06 năm 2026

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 6 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

1. Thời gian: Vào lúc 07 giờ 00 phút ngày 18 tháng 6 năm 2026 (Thứ năm)

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang (ấp 2, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ)

STT	Thời gian	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1	06h45-07h	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, lập danh sách cổ đông. Phát tài liệu và phiếu biểu quyết.	Ban Tổ chức
2	07h-07h10	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Ban Tổ chức
3	07h10-07h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban Kiểm soát
4	07h15-07h20	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.	Ban Tổ chức
5	07h20-07h25	Phát biểu khai mạc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
6	07h25-07h35	Thông qua Chương trình làm việc, Quy chế làm việc.	Đoàn Chủ tịch
7	07h35-08h	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.	Chủ tịch HĐQT
8	08h-08h20	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2026.	Giám đốc
9	08h20-08h40	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.	Ban Kiểm soát
11		**Các tờ trình của HĐQT trình đại hội:**	Kế toán trưởng

	08h40-08h55	1- Tờ trình về phương án tăng vốn Nhà nước đã đầu tư sau cổ phần hoá tại Công ty CP cấp nước và VSMTNT Hậu Giang. 2- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 3- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. 4- Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tài chính năm 2026. 5- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.	
12	08h55-09h10	6- Tờ trình về việc thông qua báo cáo thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và Kế hoạch dự toán Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên, Thư ký HĐQT, Người lao động và Ban điều hành Công ty. 7- Tờ trình về việc thông qua các chỉ tiêu giám sát để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 của Công ty CP Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang. 8- Tờ trình về việc thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.	Phó Giám đốc
13	09h10-09h25	Đại hội giải lao 15 phút.	Đoàn Chủ tịch
14	09h25-09h45	9- Tờ trình về việc thông qua Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung năm 2026). 10- Tờ trình về việc thông qua Quy chế quản trị nội bộ (sửa đổi, bổ sung năm 2026). 11- Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động HĐQT Công ty (sửa đổi, bổ sung năm	Trưởng phòng HC-TH

		2026). 12- Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động BKS Công ty (sửa đổi, bổ sung năm 2026). 13- Tờ trình về việc thông qua miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát.	
15	09h45-10h05	- Phát biểu ý kiến của Đại biểu và cổ đông - Tổng hợp và trả lời ý kiến của Đại biểu và cổ đông.	Đoàn Chủ tịch
16	10h05-10h15	Biểu quyết thông qua các tờ trình.	Đoàn Chủ tịch
17	10h15-10h25	Thông qua dự thảo các Nghị quyết Đại hội.	Ban Thư ký
18	10h25-10h30	Biểu quyết các Nghị quyết Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
19	10h30-10h40	Phát biểu bế mạc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026;

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang năm 2026 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

a) Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

2. Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang .

Điều 3. Giải thích từ viết tắt

- Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- Đại biểu: Cổ đông, đại diện theo ủy quyền
- BTC: Ban tổ chức

Điều 4. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

1. Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 26/5/2026 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Đại biểu khi tham dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;

3. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội, điện thoại chuyển sang chế độ im lặng.

4. Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép.

Điều 6. Khách mời tại ĐHĐCĐ năm 2026

1. Là các khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

2. Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại biểu mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đại hội. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Ban Tổ chức giới thiệu để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Ban Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a) Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);

b) Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

c) Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;

d) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

e) Hoàn chỉnh Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban Thẩm tra tư cách đại biểu

1. Ban Thẩm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban Thẩm tra tư cách đại biểu:

a) Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

b) Trưởng ban Thẩm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do BTC giới thiệu để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên được đề cử hoặc tự đề cử không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

a) Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

b) Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;

c) Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

d) Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

a) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;

b) Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

c) Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch;

d) Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

a) Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tịch hoặc thành viên do Chủ tịch chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;

b) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

Các nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi họ tên, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có mộc đỏ của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang ở góc trên, bên trái.

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (đồng ý hoặc không đồng ý, không có ý kiến hoặc có ý kiến khác) bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại hội đưa ra, nếu các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Phiếu biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ Kiểm phiếu sẽ đánh dấu họ tên cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý.

Tương tự, theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, các cổ đông không đồng ý hoặc không có ý kiến hoặc ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Phiếu biểu quyết.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

- Đối với quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 13. Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300330... C.T.C.P
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
XVI THỦY - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2607 /UBND-KT V/v thống nhất điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2026 của của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang	*Cần Thơ, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

Kính gửi:
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Chủ tịch, Giám đốc, Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang;
- Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Công văn số 4713/BTC-DNNN ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc rà soát, giao chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý;

Xét Tờ trình số 357/TTr-STC ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính về việc thống nhất điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2026 và giao chỉ tiêu đánh giá đối với Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang, Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang theo đề nghị của Sở Tài chính *(Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm)*.

Đối với Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý và người lao động tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang, đề nghị Công ty thực hiện theo đúng quy định của Bộ Nội vụ và các quy định hiện hành.

2. Giao Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2026 sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố, thông qua Đại hội đồng cổ đông quyết định giao chỉ tiêu đánh giá năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty, báo cáo Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố để thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Giao Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo kịp thời về chủ sở hữu theo đúng quy định.

4. Công văn này thay thế Công văn số 1516/UBND-KT ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Nội vụ;
- VP UBND TP (2H, 3B);
- Lưu: VT. TD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

Số: 2607/UBND-KT
Thời gian ký: 2026-05-22T08:27:56+07:00

Phụ lục số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

(Kèm theo Công văn số 2607 /UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm báo cáo (năm hiện tại)		Kế hoạch năm 2026	So sánh TH 2025/KH 2025 (%)	So sánh năm KH 2026/ năm TH 2025 (%)
				Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=6/5*100*	*9=7/6*100*
I. Kết quả kinh doanh								
1. Tổng doanh thu		triệu đồng	108.600	117.485	113.139	124.599	96,30	110,13
2. Lãi phát sinh								
a. Trước thuế TNDN	50-BCKQKD	triệu đồng	1.753	2.296	2.321	2.766	101,09	119,17
b. Sau thuế TNDN	60-BCKQKD	triệu đồng	1.753	1.837	2.321	2.766	126,35	119,17
3. Lỗ phát sinh		triệu đồng						
4. Lỗ lũy kế		triệu đồng						
II. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN			**4.853**	**4.948**	**3.659**	**4.025**	**73,94**	**110,00**
a. Thuế GTGT		triệu đồng						
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt								
c. Thuế TNDN				459				
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác		triệu đồng	4.853	4.489	3.659	4.025	81,51	110,00
III. Thuế và các khoản đã nộp NSNN		**triệu đồng**	**3.882**	**4.270**	**4.181**	**4.599**	**97,91**	**110,00**
a. Thuế GTGT		triệu đồng						
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt								
c. Thuế TNDN								
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác		triệu đồng	3.882	4.270	4.181	4.599	97,91	110,00
IV. Nợ thuế		triệu đồng						
V. Các khoản chi NSNN		triệu đồng						

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm báo cáo (năm hiện tại)		Kế hoạch năm 2026	So sánh TH 2025/KH 2025 (%)	So sánh năm KH 2026/ năm TH 2025 (%)
				Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=6/5*100*	*9=7/6*100*
1. Chi bổ sung vốn điều lệ		triệu đồng						
2. Chi khác		triệu đồng						
VI. Các chỉ tiêu khác								
1. Vốn chủ sở hữu		triệu đồng	518.185	520.480	520.505	522.826	100,00	100,45
2. Vốn điều lệ		triệu đồng	340.358	340.358	340.358	558.927	100,00	164,22
3. Tỷ lệ Nhà nước nắm giữ		%	99,22	99,22	99,22	99,09	100,00	99,87
4. Tỷ lệ chia cổ tức/lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên								
a. Theo %		%						
b. Theo giá trị		triệu đồng						
5. Cổ tức/Lợi nhuận dự kiến được chia cho cổ đông Nhà nước trong năm		triệu đồng						
6. Số đã chia cổ tức/lợi nhuận cho cổ đông Nhà nước		triệu đồng						
7. Số cổ tức/lợi nhuận còn phải chia cho cổ đông Nhà nước		triệu đồng						
a. Chia từ lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết ĐHĐCĐ/Hội đồng thành viên		triệu đồng						
b. Chia từ lợi nhuận năm báo cáo		triệu đồng						

Ghi chú: Năm 2019, Công ty áp dụng đơn giá nước theo Quyết định của UBND tỉnh Hậu Giang không tính khấu hao tài sản cố định, chỉ tính hao mòn tài sản cố định theo hướng dẫn tại Công văn số 2589/UBND-KT ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, tại thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước chính thức chuyển thành Công ty cổ phần vào năm 2023 thì đơn vị phải áp dụng Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của chính phủ nên Công ty phải tính khấu hao tài sản cố định theo quy định, do đó Công ty phát sinh phần lỗ do giá nước không bao gồm khấu hao tài sản cố định nên khoản lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước của UBND thành phố tại Công ty vẫn phải tiếp tục xin ý kiến Chủ sở hữu để biểu quyết thực hiện bù lỗ và báo cáo Thuế thành phố *(Công ty đã thực hiện bù lỗ từ năm 2024 đến ngày 31/12/2025 là 2.881 triệu đồng/30.992 triệu đồng)*

Phụ lục số 02

THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

(Kèm theo Công văn số 2607 /UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: triệu đồng

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	So sánh TH 2025/KH 2025 (%)	Tỷ lệ KH 2026/TH 2025 (%)
			Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3/2*100*	*6=4/3*100*
I	**TỔNG DOANH THU**	**triệu đồng**	**117.485**	**113.139**	**124.599**	**96,30**	**110,13**
1	Hoạt động kinh doanh nước	triệu đồng	113.157	104.826	120.457	92,64	114,91
2	Hoạt động sản xuất, thương mại, thi công	triệu đồng	2.718	6.811	3.168	250,59	46,51
3	Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	160	529	200	330,63	37,81
4	Thu khác	triệu đồng	1.450	973	774	67,10	79,55
II	**TỔNG CHI PHÍ**	**triệu đồng**	**115.189**	**110.818**	**121.833**	96,21	109,94
1	Giá vốn hàng bán	triệu đồng	94.079	91.607	97.892	97,37	106,86
2	Chi phí tài chính	triệu đồng	-		-		
3	Chi phí bán hàng	triệu đồng	6.300	5.633	6.023	89,41	106,92
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	12.759	12.153	14.159	95,25	116,51
5	Chi phí khác	triệu đồng	2.051	1.425	3.759	69,48	263,79
III	**Lợi nhuận trước thuế**	**triệu đồng**	**2.296**	**2.321**	**2.766**	**101,09**	**119,17**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do -Hạnh phúc
Số:2379 /QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu đánh giá để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 đối với Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 4713/BTC-DNNN ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc rà soát, giao chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 357/TTr-STC ngày 11 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 đối với Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu 1. Tổng doanh thu: 124.599 triệu đồng.

- Chỉ tiêu 2. Lợi nhuận sau thuế: 2.766 triệu đồng.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 0,53% (2.766 triệu đồng/522.826 triệu đồng).

- Chỉ tiêu 4. Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo Luật Đầu tư công; khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định: đạt 100% theo kế hoạch (nếu có).

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo và đánh giá đối với Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang, trình Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP (2H, 3B);
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT. TĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/BC-HĐQT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2021);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 với những nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Về nhân sự:

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty gồm có 03 thành viên đảm nhiệm các vị trí tại Công ty như sau: Ông Nguyễn Văn Lòng – Chủ tịch HĐQT; Ông Lê Kỳ Hội – Thành viên HĐQT; Ông Hà Thanh Phong – Thành viên HĐQT.

Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang với tổng vốn điều lệ là 340.358.000.000 đồng Việt Nam *(Ba trăm bốn mươi tỷ ba trăm năm mươi tám triệu đồng)*. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty là UBND thành phố Cần Thơ với cổ phần nắm giữ 33.769.700 cổ phần, chiếm 99,22% vốn điều lệ được giao cho các thành viên HĐQT đại diện vốn nhà nước cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Lòng	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 26.800 cổ phần Đại diện vốn NN: 16.677.542 CP (49%)
2	Lê Kỳ Hội	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 15.800 cổ phần Đại diện vốn NN: 11.912.530 CP (35%)
3	Hà Thanh Phong	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 6.200 cổ phần Đại diện vốn NN: 5.179.628 CP (15,22%)

- Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
1	Bà: Lý Hạnh Phúc	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu: 29/06/2020
2	Ông: Lê Văn Tài	Thành viên	Ngày bắt đầu: 29/06/2020
3	Ông: Nguyễn Minh Tân	Thành viên	Ngày bắt đầu: 26/04/2022

- Ban Giám đốc: Ban Giám đốc (BGĐ) gồm 02 thành viên như sau: Ông Lê Kỳ Hội - Giám đốc; Ông Hà Thanh Phong - Phó Giám đốc,

- Kế toán trưởng: Bà Bùi Thị Anh Thư.

2. Về công tác điều hành, thực hiện Nghị quyết trong năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025.

HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, dân chủ và thống nhất. Các vấn đề thuộc thẩm quyền đều được các thành viên nghiên cứu, thảo luận kỹ lưỡng trước khi biểu quyết thông qua. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho BGĐ tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, bảo đảm các chế độ chính sách cho người lao động; đồng thời góp phần tăng tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch và góp phần vào sự phát triển bền vững của địa phương.

HĐQT luôn xác định rõ vai trò lãnh đạo, định hướng, quản lý và giám sát hoạt động của Công ty; thường xuyên đánh giá hiệu quả thực hiện các nghị quyết

đã ban hành, rà soát các cơ chế, chính sách, quy định nội bộ để kịp thời điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế. Công tác quản trị Công ty được thực hiện trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Các tài liệu quản trị được lưu giữ đầy đủ tại trụ sở chính và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

HĐQT bảo đảm tổ chức các cuộc họp đúng quy định về số lượng, thành phần tham dự và điều kiện pháp lý; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, các nội dung được thảo luận dân chủ, thống nhất cao trước khi biểu quyết thông qua.

Đặc biệt trong năm 2025, HĐQT đã tập trung chỉ đạo BGĐ triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn cấp nước, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và kiểm soát hiệu quả chi phí vận hành trong điều kiện giá nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước và chi phí điện năng tiếp tục biến động tăng, nâng cao hiệu quả khai thác các trạm cấp nước nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

3. Kết quả giám sát thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của BGĐ

a. Hoạt động giám sát

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng giám sát đối với công tác quản lý, điều hành của BGĐ; đồng thời theo dõi việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cổ đông và người lao động.

HĐQT thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với các lĩnh vực trọng tâm, cụ thể như:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2025 đã được thông qua.

- Theo dõi việc triển khai thực hiện các Quyết định của HĐQT liên quan đến công tác đầu tư, nâng cấp, sửa chữa và phát triển hệ thống tuyến ống cấp nước trong năm 2025.

- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ hàng tháng; tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, doanh thu, chi phí, công nợ và hiệu quả hoạt động để kịp thời đánh giá, chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Thường xuyên xem xét các báo cáo chuyên môn, báo cáo quản trị, báo cáo tài chính và các nội dung liên quan nhằm ban hành các Nghị quyết, Quyết định phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản trị của Công ty.

Thông qua hoạt động giám sát, HĐQT đã kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, hỗ trợ BGĐ tháo gỡ khó khăn, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.

b. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ

Qua quá trình giám sát và đánh giá, HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc Công ty cùng các bộ phận quản lý đã thực hiện tốt chức năng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

BGĐ đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; chủ động xây dựng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 có nhiều chuyển biến tích cực, duy trì ổn định hoạt động cung cấp nước, bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và các chế độ cho người lao động, góp phần tạo sự yên tâm, gắn bó trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác quản lý tài chính được BGĐ đặc biệt quan tâm và thực hiện chặt chẽ. Công tác kiểm tra, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản được tăng cường thường xuyên, bảo đảm sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động do Giám đốc Công ty ký kết đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán; lập sổ sách, báo cáo tài chính và các báo cáo quản trị được thực hiện đầy đủ, trung thực và đúng quy định hiện hành. Đồng thời, BGĐ cũng đã tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, HĐQT cũng nhận thấy hoạt động của Công ty vẫn còn một số khó khăn, tồn tại như: hiệu quả khai thác một số trạm cấp nước còn hạn chế; tỷ lệ sử dụng nước sạch của một bộ phận người dân còn thấp; chi phí quản lý, tỷ lệ thất thoát nước ở một số trạm còn cao so với Kế hoạch. HĐQT đã chỉ đạo BGĐ tiếp tục rà soát, xây dựng lộ trình nâng cao hiệu quả hoạt động của từng trạm cấp nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khách hàng, ghi chỉ số, thu tiền nước và quản trị vận hành nhằm từng bước nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

Stt	Nội dung	Đvt	Năm 2025		So sánh TH/KH (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	

1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	117.485	113.139	96,30
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	115.189	110.818	96,21
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.296	2.321	101,09
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	459	0	
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.837	2.321	126,35
6	Tỷ suất cổ tức/vốn cổ phần	%	0	0	
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	4.270	4.181	97,92

Trong năm 2025, mặc dù doanh thu chưa đạt kế hoạch, song các chỉ tiêu lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch. Cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì ổn định, hiệu quả và đảm bảo cân đối tài chính trong điều kiện còn nhiều khó khăn, biến động của thị trường và chi phí đầu vào.

BGĐ đã triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số trạm cấp nước Công ty quản lý vận hành khai thác là 26 trạm, với tổng số khách hàng đang quản lý là 100.215 khách hàng.

Về đầu tư, xây dựng cơ bản thực hiện đúng theo quy định hiện hành, kết quả đạt được như sau:

Hoàn thành quyết toán 04 dự án; hoàn thành thi công 01 dự án và tiếp tục triển khai các dự án nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước tại nhiều địa phương.

Triển khai khởi công mới Dự án nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Vị Thủy và tiếp tục thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư đối với các dự án phát triển hệ thống cấp nước trong giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện 31 công trình nâng cấp, sửa chữa và phát triển tuyến ống với tổng kinh phí khoảng 30.075 triệu đồng cung cấp nước sạch cho khoảng 4.745 hộ dân, góp phần mở rộng phạm vi cấp nước, nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân trên địa bàn.

Nhận xét, đánh giá:

Năm 2025 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh tình hình kinh tế còn nhiều biến động, các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang nói riêng chịu nhiều áp lực trong công tác quản lý, vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch nông thôn, vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh vừa đảm nhận nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ

an sinh xã hội. Trong khi đó, đặc thù địa bàn nông thôn có kênh rạch phân tán, dân cư sống phân tán nên giá trị đầu tư lớn nhưng sản lượng nước thương phẩm trên từng hộ dân còn thấp. Nhiều khu vực người dân vẫn còn sử dụng nguồn nước tự khai thác hoặc sử dụng xen kẽ nhiều nguồn nước khác nhau nên ảnh hưởng đến khả năng phát triển khách hàng và doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, khách hàng chủ yếu là người dân khu vực nông thôn nên tỷ lệ thanh toán tiền nước qua các ứng dụng điện tử, ví điện tử còn hạn chế.

Ngoài ra, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước ngày càng diễn biến phức tạp do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tình trạng xả thải chưa được kiểm soát triệt để đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động cấp nước của Công ty, đặc biệt tại các tuyến kênh, sông khu vực nông thôn. Điều này làm gia tăng chi phí hóa chất xử lý nước, chi phí sản xuất và công tác vận hành hệ thống cấp nước.

Bên cạnh đó, giá trị tài sản cố định của Công ty lớn; nhiều tài sản hư hỏng, không còn sử dụng nhưng vẫn phải thực hiện trích khấu hao theo quy định hiện hành, ảnh hưởng đến đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, sự đoàn kết thống nhất của HĐQT, BGĐ và tập thể người lao động, Công ty đã giữ vững ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm cung cấp nước sạch liên tục phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn; không để xảy ra tình trạng gián đoạn cấp nước kéo dài hoặc sự cố lớn ảnh hưởng đến an sinh xã hội trên địa bàn quản lý. Đồng thời hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Phấn đấu chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh KH/TH
1	Vốn điều lệ	340.358	558.927	164,22%
2	Doanh thu	113.139	124.599	110,13%
3	Tổng chi phí	110.818	121.833	109,94%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.321	2.766	119,17%
-	Nộp thuế TNDN (20%)	0	0	0
5	Lợi nhuận sau thuế	2.321	2.766	119,17%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh KH/TH
6	Quỹ lương/ tháng	878	1.604	182,69%
7	Số lao động (người)	134	173	129,10%
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	6,6	9,2	139,39%
9	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT (%)	2,05	2,22	108,29%
10	Tỷ suất lợi nhuận ST/VĐL (%)	0,68	0,49	72,06%
11	Tỷ lệ cổ tức/vốn cổ phần (%)			
12	Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế	Thực hiện bù lỗ giá trị hao mòn tài sản năm 2019 của Trung tâm chuyển qua	Thực hiện bù lỗ giá trị hao mòn tài sản năm 2019 của Trung tâm chuyển qua	

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp cho người lao động; nâng cao ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm các nội quy, quy định, quy chế của Công ty, góp phần xây dựng đội ngũ người lao động có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô và định hướng phát triển của Công ty; từng bước chuyên môn hóa công tác quản trị, điều hành tại các phòng chuyên môn và các trạm cấp nước theo hướng công khai, minh bạch, chuyên nghiệp và gắn với hiệu quả công việc. Tập trung hoàn thiện hệ thống giao chỉ tiêu KPI làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua, khen thưởng.

4. Tiếp tục phát động và tổ chức thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác chuyên môn và nhiệm vụ chính trị của Công ty; trọng tâm là các phong trào thi đua về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, chống thất thoát nước, tiết kiệm chi phí sản xuất, bảo đảm cấp nước an toàn và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản trị doanh nghiệp; từng bước triển khai số hóa công tác quản lý khách hàng, hợp đồng dịch vụ cấp nước, thanh toán không dùng tiền mặt, giám sát vận hành và quản lý dữ liệu mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ khách hàng.

6. Tiếp tục định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo hướng linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, mở rộng phát triển tuyến ống, khai thác hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

7. Tận dụng cơ hội phát triển trong giai đoạn mới, HĐQT tập trung định hướng, chỉ đạo và giám sát BGĐ thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và khai thác các trạm cấp nước, bảo đảm chất lượng nước theo quy định; tăng cường thực hiện các giải pháp chống thất thu, thất thoát nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các công trình cấp nước. Đồng thời, chủ động theo dõi tình hình thời tiết, nguồn nước để xây dựng kế hoạch ứng phó kịp thời với hạn hán, xâm nhập mặn và các tác động của biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng và phát triển mạng lưới tuyến ống cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

8. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp theo quy định đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước; thực hiện tốt công tác tài chính, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ công khai, minh bạch và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Các Phòng trực thuộc;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300330916 - C.T.C.P - CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - XVI THUỶ - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

UBND TỈNH HẬU GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 19/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

(Đính kèm báo cáo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 20/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và nhiệm kỳ II (2025-2030) Công ty CP Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang (Công ty) xin báo cáo về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2026 với những nội dung chính như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Trong năm 2025, tình hình tư tưởng của người lao động tại Công ty ổn định, người lao động an tâm công tác, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các nội quy, quy chế của Công ty. Tập thể người lao động (NLĐ) luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Với tinh thần đoàn kết, thống nhất nội bộ và quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc (BGĐ) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt hoạt động SXKD. Đến nay, bộ máy tổ chức của Công ty hoạt động ổn định, các phòng, ban và đơn vị trực thuộc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Trong năm 2025, Ban Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, luôn quan tâm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, góp phần giữ vững sự ổn định và phát triển của Công ty.

1. Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND thành phố Cần Thơ, các sở, ngành liên quan và sự phối hợp, hỗ trợ của chính quyền địa phương.

HĐQT và BGĐ có kinh nghiệm quản lý, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đội ngũ NLĐ có tinh thần trách nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu cung cấp nước sạch của người dân.

Các quy chế, quy định nội bộ của Công ty từng bước được rà soát, hoàn thiện; công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý khách hàng, ghi thu, thanh toán tiền nước tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động.

2. Khó khăn

Hoạt động SXKD chịu ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lớn kéo dài, thói quen tập quán của người dân tận dụng nguồn nước mưa, gây ảnh hưởng đến doanh thu.

Công ty phải thực hiện bù lỗ 30.993 triệu đồng giá trị hao mòn tài sản cố định năm 2019 của Trung tâm chuyển qua đây là yếu tố khách quan do giao thời giữa Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/7/2017 và Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ. Giá trị này không phải là khoản lỗ phát sinh từ kết quả SXKD của Công ty nhưng Công ty phải lấy lợi nhuận từ kết quả SXKD hiện tại để bù lỗ, không thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của NLĐ và cổ đông tại Công ty.

Việc thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật thường xuyên ảnh hưởng đến các tuyến ống cấp nước làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước; nhu cầu nước sạch của người dân và vốn đầu tư lớn trong khi khả năng tự cân đối vốn của Công ty còn hạn chế.

Công tác tuyên truyền, vận động khách hàng sử dụng dịch vụ điện tử (thanh toán qua ví điện tử, app CSKH) tuy đã triển khai nhưng chưa đồng đều, tỷ lệ người dân thực hiện còn thấp ở khu vực nông thôn.

Nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý hệ thống nước thông minh, dẫn đến tiến độ ứng dụng công nghệ mới chưa đồng bộ.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu so kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		So sánh TH/KH năm 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	
A- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SXKD				
I. Kết quả kinh doanh		**117.485**	**113.139**	**96,30%**
1. Nước sinh hoạt	Triệu đồng	99.331	92.660	93,28%
2. Nước hành chính sự nghiệp	Triệu đồng	5.351	4.746	88,69%
3. Nước sản xuất	Triệu đồng	1.650	1.318	79,88%
4. Nước kinh doanh, dịch vụ	Triệu đồng	6.825	6.102	89,41%
5. Hoạt động sản xuất, thương mại, thi công	Triệu đồng	2.718	6.811	250,59%
6. Thu khác	Triệu đồng	1.450	973	67,10%
7. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	160	529	330,63%
2. Lãi phát sinh		-	-	-
a. Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.296	2.321	101,09%
b. Sau thuế TNDN	Triệu đồng	1.837	2.321	126,35%
3. Lỗ phát sinh	Triệu đồng	-	-	-
4. Lỗ lũy kế	Triệu đồng	-	28.130	-
II. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		**4.948**	**3.659**	**73,94%**
1. Từ hoạt động SXKD, DV	Triệu đồng	4.948	3.659	73,94%
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	-	-	-
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	-	-	-
c. Thuế TNDN	Triệu đồng	-	-	-
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	4.948	3.659	73,94%
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	Triệu đồng	-	-	-

III. Thuế và các khoản đã nộp NSNN	Triệu đồng	**4.270**	**4.181**	**97,92%**
1. Từ hoạt động SXKD, DV	Triệu đồng	4.270	4.181	97,92%
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	-	-	-
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	-	-	-
c. Thuế TNDN	Triệu đồng	-	-	-
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	Triệu đồng	-	-	-
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	4.270	4.181	97,92%
IV. Nợ thuế	Triệu đồng			
1. Nợ thuế từ hoạt động SXKD, DV	Triệu đồng	-	-	-
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	-	-	-
V. Các khoản chi NSNN				
B- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1. Tổng tài sản	Triệu đồng		529.100	-
2. Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	520.480	520.505	100%
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*Triệu đồng*	*520.480*	*340.358*	*65,39%*
- Vốn khác của chủ sở hữu	*Triệu đồng*	-	-	-
- Quỹ Đầu tư phát triển	*Triệu đồng*	-	-	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	*Triệu đồng*	-	*208.277*	-
- Nguồn vốn khác của CSH (Lợi nhuận chưa phân phối)	*Triệu đồng*		*(28.130)*	-
3. Vốn điều lệ được phê duyệt	Triệu đồng	340.358	340.358	100%
C- HUY ĐỘNG VỐN				
D- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN				

1. Lợi nhuận thực hiện dùng để bù lỗ do Trung tâm chuyển qua	Triệu đồng	2.296	2.321	101,09%

2. Công tác tổ chức hành chính:

Công ty tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện điều động, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng số lao động đến ngày 31/12/2025 là 134 người.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt công tác bảo hiểm, bảo hộ lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Công tác đánh giá, xếp loại người lao động được thực hiện công khai, minh bạch gắn với hiệu quả công việc; công tác kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế được duy trì thường xuyên.

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin cho người lao động.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2025, HĐQT và BGĐ tập trung chỉ đạo triển khai các công trình, dự án đầu tư xây dựng theo kế hoạch được phê duyệt; tăng cường quản lý tiến độ, chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Công ty đã hoàn thành quyết toán 04 dự án; hoàn thành thi công 01 dự án và tiếp tục triển khai các dự án nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước tại nhiều địa phương.

Đồng thời, Công ty triển khai khởi công mới Dự án nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Vị Thủy và tiếp tục thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư đối với các dự án phát triển hệ thống cấp nước trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện 31 công trình nâng cấp, sửa chữa và phát triển tuyến ống với tổng kinh phí khoảng 30.075 triệu đồng cung cấp nước sạch cho khoảng 4.745 hộ dân, góp phần mở rộng phạm vi cấp nước, nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân trên địa bàn.

Các công trình đầu tư trong năm cơ bản đảm bảo tiến độ, chất lượng và từng bước phát huy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Công tác quản lý khai thác các công trình cấp nước:

Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành và khai thác các công trình cấp nước nhằm đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục, ổn định phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

Công ty thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động tại các trạm cấp nước; chủ động theo dõi, xử lý kịp thời các sự cố phát sinh trên hệ thống, hạn chế tối đa tình trạng gián đoạn cấp nước kéo dài. Đồng thời tăng cường công tác bảo trì, bảo

dưỡng, sửa chữa hệ thống máy móc, thiết bị và mạng lưới đường ống nhằm đảm bảo công trình vận hành ổn định, an toàn và phát huy hiệu quả đầu tư.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục triển khai nhiều giải pháp chống thất thoát, thất thu nước sạch như: thay thế đồng hồ nước, sửa chữa và nâng cấp các tuyến ống xuống cấp, chuyển dời đồng hồ và tăng cường kiểm tra, giám sát mạng lưới cấp nước. Kết quả tỷ lệ thất thoát nước năm 2025 còn 23%, giảm 2% so với năm 2024.

Công tác quản lý chất lượng nước được thực hiện thường xuyên theo quy định; các trạm cấp nước duy trì thực hiện nội kiểm chất lượng nước, sử dụng hóa chất xử lý nước phù hợp, đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vận hành tiếp tục được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của các công trình cấp nước và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

5. Công tác tài chính:

Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quản lý tài chính theo hướng chặt chẽ, công khai, minh bạch; đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Tổng doanh thu: 113.139 triệu đồng, (tăng 4.539 triệu đồng, tương đương 4,18% so với năm 2024). Tổng chi: 110.818 triệu đồng, (tăng 4.488 triệu đồng, tương đương 4,22% so với năm 2024).

Thực hiện tốt công tác quản lý công nợ, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng; hạn chế phát sinh nợ quá hạn kéo dài. Tổng nợ phải thu đến cuối năm là 17.789 triệu đồng, tăng 35,69% so với năm 2024; tổng nợ phải trả là 8.595 triệu đồng. Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện thu hồi các khoản công nợ tồn đọng chuyển giao từ giai đoạn trước với tổng số tiền 492 triệu đồng, góp phần cải thiện dòng tiền và giảm áp lực tài chính.

Đối với công tác đầu tư, Công ty bảo đảm nguồn vốn phục vụ các dự án xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước; trong năm đã thực hiện giải ngân từ nguồn vốn khấu hao với tổng giá trị 39.622 triệu đồng, góp phần thúc đẩy tiến độ các công trình đầu tư theo kế hoạch.

Công ty thực hiện đầy đủ công tác kê khai, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; tổng số tiền đã nộp ngân sách nhà nước trong năm là 4.181 triệu đồng.

6. Công tác kinh doanh

Tập trung chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát triển khách hàng, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh dịch vụ cấp nước.

Đến ngày 31/12/2025, Công ty quản lý 100.215 khách hàng, đạt 105,9% kế hoạch; tổng số hóa đơn phát hành trong năm là 968.469 hóa đơn. Công tác ghi thu, theo dõi doanh thu và quản lý công nợ được thực hiện chặt chẽ; tỷ lệ thu tiền nước đạt cao, góp phần đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các ứng dụng ngân hàng, ví điện tử và App chăm sóc khách hàng; trong năm có 247.875 hóa đơn được thanh toán qua hình thức điện tử với tổng số tiền 32.638 triệu đồng, chiếm khoảng 29,3% doanh thu sau thuế. Đồng thời, việc phát hành giấy báo thanh toán qua mã QR Code tiếp tục được mở rộng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho khách hàng trong thanh toán tiền nước.

Công tác chăm sóc khách hàng được quan tâm thực hiện thường xuyên. Trong năm, Công ty đã tiếp nhận và xử lý kịp thời 2.144 thông tin phản ánh của khách hàng, chủ yếu liên quan đến sự cố đường ống, chất lượng nước và các vấn đề áp giá sử dụng nước; các trường hợp phát sinh đều được khắc phục, giải quyết kịp thời, không để phát sinh điểm nóng hoặc khiếu nại kéo dài.

Song song đó, Công ty tiếp tục triển khai công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khách hàng; thực hiện số hóa hợp đồng cung cấp nước, đến nay đã ký số 79.890 hợp đồng, đạt 79,72% tổng số khách hàng. Việc hỗ trợ khách hàng cài đặt và sử dụng App CSKH HGi tiếp tục được duy trì, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường tương tác với khách hàng.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai thí điểm công tác ghi chỉ số nước bằng hình ảnh trên ứng dụng Wasspro HGi, từng bước nâng cao tính minh bạch, chính xác trong quản lý dữ liệu tiêu thụ nước và giảm sai sót trong quá trình ghi thu.

Về công tác mua sắm phục vụ hoạt động kinh doanh, Công ty đã triển khai thực hiện các gói thầu vật tư, hóa chất, đồng hồ nước theo kế hoạch, cơ bản đáp ứng nhu cầu sửa chữa, lắp đặt và vận hành hệ thống cấp nước trong năm 2025.

IV. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

- Trong năm 2025, Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ do UBND giao và các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Ban Lãnh đạo Công ty chủ động trong công tác quản lý, điều hành; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn, từng lĩnh vực công tác, qua đó giúp Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Bên cạnh việc thực hiện đạt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh và tài chính, Công ty còn đạt được nhiều kết quả tích cực trên các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

+ Công tác quản lý, vận hành cấp nước tiếp tục được nâng cao, bảo đảm chất lượng nước và áp lực cung cấp ổn định phục vụ nhu cầu sinh hoạt của khách hàng;

không để xảy ra tình trạng mất nước, cúp nước kéo dài gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

+ Công ty chủ động phối hợp với chính quyền địa phương khảo sát, triển khai phát triển các tuyến ống cấp nước tại các khu vực người dân có nhu cầu sử dụng nước sạch và nhận được sự đồng thuận cao của người dân. Đồng thời tích cực huy động, tranh thủ các nguồn vốn viện trợ, nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư hệ thống cấp nước tại các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, các khu vực còn thiếu nước sạch hoặc bức xúc về nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, điều chỉnh đối tượng sử dụng nước theo đúng nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt, góp phần hạn chế thất thu và nâng cao hiệu quả quản lý doanh thu nước sạch.

+ Công tác chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm triển khai mạnh mẽ.

+ Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, hoàn thành tốt công tác kê khai và nộp thuế theo quy định; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về bảo hiểm, bảo hộ lao động cho công nhân viên lao động. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tiếp tục được quan tâm cải thiện và nâng cao.

B. PHƯƠNG HƯỚNG - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2026

Căn cứ Công văn số 2607/UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thống nhất điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ kết quả đã thực hiện năm 2025; Căn cứ vào điều kiện, nội lực của Công ty, cùng với những thuận lợi, khó khăn, dự báo về tình hình kinh tế. Công ty đề ra phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch SXKD trong năm 2026 với những giải pháp như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh KH/TH (%)
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	Vốn điều lệ	340.358	558.927	164,22%
2	Doanh thu	113.139	124.599	110,13%
3	Tổng chi phí	110.818	121.833	109,94%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.321	2.766	119,17%
-	Nộp thuế TNDN (20%)	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh KH/TH (%)
5	Lợi nhuận sau thuế	2.321	2.766	119,17%
6	Quỹ lương/ tháng	878	1.604	182,69%
7	Số lao động (người)	134	173	129,10%
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	6,6	9,2	139,39%
9	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT (%)	2,05	2,22	108,29%
10	Tỷ suất lợi nhuận ST/VĐL (%)	0,68	0,49	72,06%
11	Tỷ lệ cổ tức/vốn cổ phần (%)			
12	Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế	Thực hiện bù lỗ giá trị hao mòn tài sản năm 2019 của Trung tâm chuyển qua	Thực hiện bù lỗ giá trị hao mòn tài sản năm 2019 của Trung tâm chuyển qua	

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026: 1. Giải pháp về điều hành hoạt động của Công ty:

- Áp dụng ,thực hiện, sửa đổi bổ sung điều chỉnh (nếu cần) các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển chung được cổ đông thông qua.

- Phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

- Nâng cao trình độ quản lý chuyên môn cho CNVLĐ.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch để kịp thời điều chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình hoạt động.

2. Giải pháp về nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh

- Tăng cường kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống, mạng lưới cấp nước, đảm bảo vận hành an toàn, liên tục và ổn định.

- Thực hiện tốt công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tiết giảm chi phí. Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, chăm sóc khách hàng.

- Tập trung khai thác, phát triển khách hàng mới tại các khu vực có nhu cầu sử dụng nước sạch. Giữ vững địa bàn cấp nước hiện có, không để xảy ra tình trạng bị lấn chiếm địa bàn cấp nước của Công ty.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, vận hành, ghi thu, chăm sóc khách hàng, thanh toán tiền nước thông qua app thanh toán, ví điện tử và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường, mở rộng lĩnh vực SXKD, phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

3. Giải pháp về vốn

- Quản lý và sử dụng vốn phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty. Đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ kịp thời cho các hoạt động thường xuyên và các công trình đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước.

- Khai thác hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước. Tăng cường quản lý tài chính theo hướng công khai, minh bạch, sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý nợ, không để phát sinh nợ quá hạn. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hạn chế thất thoát, lãng phí trong quá trình hoạt động.

- Đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư để đảm bảo các giai đoạn đầu tư, chi phí đầu tư được sử dụng hiệu quả nhất.

- Rà soát, sắp xếp và sử dụng hiệu quả tài sản hiện có. Tăng cường công tác quản lý, kiểm kê, đánh giá tài sản định kỳ nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, phát huy năng lực và hiệu quả công tác của từng vị trí việc làm.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và ứng dụng công nghệ cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động, sáng tạo và thái độ phục vụ khách hàng của người lao động.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động. Gắn tiền lương, tiền thưởng với năng suất lao động, hiệu quả công việc và kết quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực thúc đẩy người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo tình hình và kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2026 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BGĐ; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/BC-BKS

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang năm 2025,

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. Nay Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trình Đại hội như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà: Lý Hạnh Phúc	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu: 29/06/2020	9/9	100%	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
2	Ông: Lê Văn Tài	Thành viên	Ngày bắt đầu: 29/06/2020	9/9	100%	
3	Ông: Nguyễn Minh Tân	Thành viên	Ngày bắt đầu: 26/04/2022	9/9	100%	

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế hoạt động của doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT Công ty ban hành.

Kiểm tra công tác pháp lý doanh nghiệp cũng như việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo trình tự quy định hiện hành.

Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác tổ chức kế toán, kiểm tra các số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh, các hợp đồng, các báo cáo tài chính quý I, quý II, 6 tháng đầu năm, quý III, quý IV và năm 2025 của Công ty.

Kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ pháp lý giúp HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện hiệu quả công việc và đúng quy định; công bố thông tin theo quy định.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đvt	Năm báo cáo		So sánh TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
I. Sản lượng		**14.500.000**	**13.471.968**	**92,91**
1. Nước sinh hoạt	M^3	13.208.773	12.337.278	93,40
2. Nước hành chính sự nghiệp	M^3	557.445	494.362	88,68
3. Nước sản xuất	M^3	165.016	131.841	79,90

Chỉ tiêu	Đvt	Năm báo cáo		So sánh TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
4. Nước kinh doanh, dịch vụ	M^3	568.766	508.487	89,40
II. Doanh thu	Triệu đồng	**117.485**	**113.139**	**96,30**
1. Hoạt động kinh doanh nước	Triệu đồng	113.157	104.826	92,64
2. Hoạt động sản xuất, thương mại, thi công	Triệu đồng	2.718	6.811	250,59
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	160	529	330,63
4. Thu nhập khác	Triệu đồng	1.450	973	67,10
III. Chi phí	Triệu đồng	**115.189**	**110.818**	**96,21**
1. Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	94.079	91.607	97,37
2. Chi phí bán hàng	Triệu đồng	6.300	5.633	89,41
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	12.759	12.153	95,25
4. Chi phí khác	Triệu đồng	2.051	1.425	69,48
IV. Lãi phát sinh				
a. Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.296	2.321	101,09
b. Sau thuế TNDN	Triệu đồng	1.836	2.321	126,37

Trong năm 2025, với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành cùng CNVLĐ Công ty đã phấn đấu và đạt kết quả như sau: Sản lượng nước cung cấp là 13.471.968/14.500.000m^3, đạt 92,91% và tổng doanh thu là 113.139/117.485 triệu đồng, đạt 96,30%.

Ban kiểm soát nhận thấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu về SXKD và Kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty đều chưa đạt theo kế hoạch đề ra, tuy nhiên đây là sự nỗ lực, phấn đấu của HĐQT, BGĐ và tất cả CNVLĐ trong năm vừa qua trong điều kiện có nhiều khó khăn phải đối mặt với giá cả các chi phí đầu vào biến động theo chiều hướng tăng.

2. Việc thực hiện quỹ lương, thù lao theo kế hoạch

Thực hiện kế hoạch chi lương, thù lao năm 2025 của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty thông qua ngày 19/6/2025. Theo đó, năm 2025 đã thực hiện chi trả lương, thù lao đối với các chức danh quản lý như sau:

Stt	Nội dung	Tiền lương, thù lao năm 2025 *(triệu đồng)*		So sánh (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Chủ tịch HĐQT	327	327	100
2	Thành viên HĐQT	48	48	100
3	Trưởng Ban Kiểm soát	260	260	100
4	Thành viên BKS	36	36	100

3. Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC

HĐQT đã quyết định ký hợp đồng thuê Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Sáng Lập Á Châu (FCA) sau khi thông qua BKS để thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty theo quy định của pháp luật, đồng thời giao BGĐ Công ty ký hợp đồng dịch vụ. Trong năm, Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Sáng Lập Á Châu (FCA) đã phát hành BCTC đã được kiểm toán năm 2025 vào tháng 03/2026.

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2025 của Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty được đơn vị kiểm toán độc lập hoàn chỉnh gồm: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo các khoản nộp nhà nước và thuyết minh BCTC năm 2025.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, sau khi rà soát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

+ Các chứng từ kế toán được thực hiện đầy đủ và lưu giữ gọn gàng, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.

+ Các số liệu BCTC phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

*** Bảng tổng hợp các chỉ tiêu tài chính**

Stt	Nội dung	Đvt	Tỷ lệ (%)
1	**Cơ cấu tài sản**		
	Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	86,96
	Tài sản lưu động/ Tổng tài sản		
2	**Cơ cấu nguồn vốn**		
	Nợ/ Tổng nguồn vốn	%	1,62
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	98,38
3	**Chỉ số thanh khoản**		
	Tổng tài sản/Tổng nợ		6.156
	Tổng tài sản lưu động & đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	%	
	Tiền đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn		
4	**Tỷ suất lợi nhuận**		
	Lợi nhuận trước thuế/(Doanh thu thuần + thu nhập từ hoạt động tài chính + thu nhập khác)	%	2,05
	Lợi nhuận sau thuế/(Doanh thu thuần + thu nhập từ hoạt động tài chính + thu nhập khác)	%	2,05
	Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	0,44
	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,44
	Lợi nhuận trước thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,45

*** Tình hình về nguồn vốn kinh doanh**

- Vốn Chủ sở hữu 520.505 triệu đồng

Trong đó:

+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết 340.358 triệu đồng
+ Nguồn vốn đầu tư XDCB 208.277 triệu đồng
+ LNST chưa phân phối - 28.130 triệu đồng

- Tổng tài sản 529.100 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2.321 triệu đồng

- Lợi nhuận sau bù lỗ: - 28.130 triệu đồng

- Hiệu quả sử dụng vốn

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 0,45% (2.321 triệu đồng/520.505 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): 0,44% (2.321 triệu đồng/529.100 triệu đồng).

Như vậy, các chỉ số ROE, ROA đạt được năm 2025 đều có chỉ số dương cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty có chiều hướng tăng nhưng vẫn còn thấp so với giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu. Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện theo kế hoạch tài chính như tình hình mưa nhiều, thủy triều dâng cao trong thời gian dài, một số khách hàng đi làm ăn xa, thói quen còn sử dụng nước mưa, nước sông nhiều,... Bên cạnh đó, đặc thù địa bàn kinh doanh là khu vực nông thôn người dân sống phân tán nên suất đầu tư cấp nước trung bình cho 01 hộ dân nông thôn cao hơn khu vực đô thị, chi phí khấu hao lớn và thất thoát nước cao.

Sau khi thực hiện bù lỗ theo Quyết định 954-QĐ/UBND, ngày 6 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, kết quả hiệu quả sử dụng vốn như sau:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): -5,40 (-28.130 triệu đồng/520.505 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): -5,32% (-28.130 triệu đồng/529.100 triệu đồng).

Như vậy, các chỉ số ROE, ROA đạt được năm 2025 đều có chỉ số âm cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty chưa có hiệu quả so với giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu. Đây là khoản giá trị hao mòn của tài sản cố định trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của công ty, hơn nữa đây là khoản lỗ rất lớn đối với công ty và trong thời gian ngắn không thể bù đắp được.

III. Kết quả giám sát hoạt động của thành viên HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác

HĐQT, BGĐ Công ty đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. BKS đánh giá các Nghị quyết, quyết định này được ban hành là đúng trình tự, đúng thẩm quyền và không trái với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và Cổ đông

Trong năm 2025 HĐQT, BKS và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Giám đốc dự, trong đó Ban Kiểm soát tham dự 15/39 cuộc, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành của Công ty. Thông qua đó, có tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Sau mỗi cuộc họp đều được cung cấp đầy đủ biên bản, nghị quyết cũng như các văn bản khác có liên quan đến công tác quản lý điều hành của công ty.

V. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

Năm 2025 là năm khó khăn của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn nói riêng. Mặc dù vậy nhưng HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể người lao động của Công ty đã nỗ lực và hoàn thành ¾ chỉ tiêu kế hoạch được giao, đây cũng là năm rất khó khăn đối với công ty khi xây dựng kế hoạch và thực hiện tốc độ tăng trưởng theo quy định, trong khi khách hàng của công ty đa phần sống tại khu vực nông thôn, đời sống còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp, mật độ dân cư thưa thớt,...ngoài những lý do đã nêu còn bị ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều và thủy triều dâng cao đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh, điển hình là chỉ tiêu về doanh thu trong năm chỉ đạt 96,30% so với kế hoạch.

Ngoài những chỉ tiêu về SXKD và Kế hoạch tài chính vẫn còn một số nội dung chưa đạt như: Thu hóa đơn tiền nước còn chậm (còn hóa đơn tồn nhiều), tỷ lệ thất thoát nước còn cao so với quy định chung.

2. Kiến nghị

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm và quyền hạn trong năm 2026, BKS kiến nghị HĐQT, Ban Giám đốc tiếp tục nỗ lực, vượt qua khó khăn trước mắt; rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; xem xét, triển khai thực hiện tốt các phương án SXKD; tích cực tìm kiếm nguồn thu mới theo hướng mở rộng ngành nghề kinh doanh nhằm cân đối và sắp xếp nguồn tài chính sao cho đơn vị hoạt động có lãi, đặc biệt là lãi năm sau cao hơn năm trước, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư để chi trả cổ tức cho cổ đông đúng quy định, đưa Công ty hoạt động ổn định và phát triển trong thời gian tới.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMTNT HẬU GIANG

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; Giám sát thực hiện công tác pháp lý; Giám sát HĐQT, BGĐ thực hiện công tác quản lý điều hành Công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 trình UBND thành phố, Sở Tài chính và đã được UBND thành phố thống nhất theo Công văn số 485/UBND-KT, ngày 28/01/2026. Trong đó, năm 2026 BKS sẽ tiếp tục tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) của HĐQT và các cuộc họp khác theo quy định để đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động của HĐQT. Trong quyền hạn quy định, BKS sẽ đưa ra các ý kiến đóng góp; thực hiện giám sát, kiểm soát; đồng thời báo cáo về cơ quan quản lý nắm nhằm có hướng chỉ đạo kịp thời, giúp Công ty thực hiện đúng quy định, bảo vệ quyền lợi của các cổ đông.

(Đính kèm Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban Kiểm soát đã được các thành viên thông qua về công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang, kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 6300330916 - C.T.C.P - CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - X. VỊ THỦY - TP. CẦN THƠ

Lý Hạnh Phúc

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
BAN KIỂM SOÁT
Số: 01/KH-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 08 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Kính gửi:
- Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các công ty cổ phần có vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 794/UBND-NCTH ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc cử lại người đại diện vốn của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang để ứng cử các chức danh thành viên Hội đồng quản trị và đề cử người ứng cử (bổ nhiệm lại) Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông, nhiệm kỳ II (2025 - 2030);

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ/UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc tiếp nhận nguyên trạng các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà nước sau thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang; Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang;

Căn cứ tình hình thực tế, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các văn bản có liên quan.

Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực của HĐQT, BGĐ và cán bộ quản lý khác trong việc quản lý điều hành hoạt động Công ty; việc ghi chép sổ sách

kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Quy chế hoạt động của Công ty; việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

2. Yêu cầu

Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ dông và đạo đức nghề nghiệp của kiểm soát viên.

II. Nội dung

1. Kiểm soát việc tuân thủ, chấp hành quy định của Công ty thông qua việc tổ chức thực hiện các Quy chế hoạt động như:

- Quy chế Tuyển dụng, quản lý nhân sự và đào tạo lao động;
- Quy chế Quản lý tài chính;
- Quy chế Trả lương, thù lao, tiền thưởng Người quản lý;
- Quy chế Trả lương Người lao động;
- Quy chế Chi tiêu nội bộ;
- Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị (Quy chế Quản trị nội bộ);
- Quy chế Quản lý nợ;
- Quy chế Quản lý đầu tư, mua bán và sử dụng tài sản;
- Quy chế Tổ chức và bộ máy;
- Quy chế Thi đua, khen thưởng.

2. Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật, gồm: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và nghĩa vụ tài chính khác;

3. Định kỳ, thẩm định các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính, đầu tư, xây dựng; giám sát thanh quyết toán vốn thuộc thẩm quyền.

4. Kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty: các nhiệm vụ liên quan đến thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, thực hiện kiểm soát việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty: bao gồm các hoạt động liên quan đến chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, nghiệp vụ công tác kế toán, tài chính.

Trên cơ sở kiểm tra hoạt động Công ty, Ban Kiểm soát sẽ kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc để có điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, đúng quy tắc, tránh được các rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động.

5. Thực hiện báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát định kỳ hàng quý, kết quả thẩm định báo cáo hoạt động của Người đại diện vốn nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty gửi về UBND thành phố, Sở Tài chính theo quy định.

6. Kiểm soát một số nhiệm vụ đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, của Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông hoặc cổ đông.

III. Phương pháp làm việc

- Kiểm soát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, hồ sơ, báo cáo đã có, Kiểm soát viên tiến hành kiểm soát, đối chiếu với các quy định của Nhà nước. Trường hợp phát hiện chưa phù hợp, vi phạm về thực hiện chế độ, chính sách, quy định, Kiểm soát viên sẽ có ý kiến để Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Kiểm soát trực tiếp: Kiểm soát viên trực tiếp làm việc với các đơn vị trực thuộc Công ty để kiểm soát, giám sát tại nơi làm việc về việc chấp hành các quy định Nhà nước, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản trị nội bộ; trực tiếp xem xét chứng từ có liên quan theo yêu cầu công việc kiểm soát... để kiến nghị các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi.

IV. Lộ trình làm việc

Ngoài việc thực hiện thường xuyên, Ban Kiểm soát dự kiến lộ trình thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung công việc
Quý I/2026	1. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT, BGĐ (Quý IV/2025) về UBND thành phố, Sở Tài chính xem xét. 2. Xem xét báo cáo Người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty về tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty và một số báo cáo khác theo quy định. 3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025. 4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2025 trình UBND thành phố, Sở Tài chính và trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026. 5. Xây dựng kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Kiểm soát trình UBND thành phố và Sở Tài chính. 6. Thẩm định Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính năm 2026;
Quý II/2026	1. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT, BGĐ (Quý I/2026) về UBND thành phố, Sở Tài chính. 2. Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. 3. Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo của Công ty gồm: Báo

	cáo của Người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty; Báo cáo giám sát tài chính,... và một số báo cáo khác theo quy định.
Quý III/2026	1. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT, BGĐ (Quý II/2026) về UBND thành phố, Sở Tài chính. 2. Thẩm định Kế hoạch tài chính năm 2027; 3. Xem xét báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty. 4. Thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty về UBND thành phố, Sở Tài chính xem xét.
Quý IV/2026	1. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT, BGĐ (Quý III/2026) về UBND thành phố, Sở Tài chính. 2. Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Kế hoạch tài chính của Công ty. 3. Kiểm soát công tác kiểm kê tài sản cuối năm.

V. Tổ chức thực hiện

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác phối hợp và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành kế hoạch theo quy định *(theo Khoản 3 Điều 171 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*. Đối với những nội dung cần phải kiểm soát trực tiếp theo kế hoạch hoặc theo thực tế phát sinh thì trước khi thực hiện, BKS sẽ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc chuẩn bị nội dung theo yêu cầu chậm nhất 02 ngày, trước khi tiến hành thực thi nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh mới, Ban Kiểm soát sẽ họp thống nhất để bổ sung, điều chỉnh.

Trên đây là kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát, kính trình UBND thành phố, Sở Tài chính xem xét, có ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Lý Hạnh Phúc

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 07/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về phương án tăng vốn Điều lệ năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Công văn số 1897/UBND-KT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ý kiến về phương án tăng vốn Nhà nước đã đầu tư sau cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2026 như sau:

I. Tổng quan phương án tăng vốn điều lệ

STT	Nội dung	SLCP	Giá trị theo mệnh giá
1	Vốn điều lệ hiện tại	34.035.800	340.358.000.000
2	Phương án tăng vốn	22.101.741	221.017.410.000
a	*Phát hành cho cổ đông hiện hữu*	*22.029.184*	*220.291.840.000*
b	*Phát hành riêng lẻ*	*72.557*	*725.570.000*
3	Vốn điều lệ sau tăng vốn	56.137.541	561.375.410.000

II. Nội dung chi tiết phương án tăng vốn điều lệ

1. Phương án tăng vốn cho cổ đông hiện hữu

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường Nông thôn Hậu Giang
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ hiện tại	: 340.358.000.000 đồng
Số lượng cổ phần hiện tại	: 34.035.800 cổ phần
Đối tượng phát hành	: Phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu
Số lượng cổ phần phát hành	: 22.029.184 cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 220.291.840.000 đồng *(Hai trăm hai mươi tỷ hai trăm chín mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)*
Tỷ lệ phát hành	: 64,72368%/Vốn điều lệ hiện tại
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phần
Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần	: - Cổ đông là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện quyền mua cổ phiếu bằng giá trị tài sản Nhà nước đã đầu tư vào Công ty nhưng chưa ghi nhận vốn Nhà nước 218.569.910.000 đồng, tương ứng 21.856.991 cổ phần. - Các cổ đông khác nộp tiền mặt để mua cổ phiếu phát hành thêm.
Mục đích tăng vốn	: Xử lý vốn Nhà nước đã đầu tư vào các công trình dự án của Công ty sau khi cổ phần hóa theo văn bản số 3399/UBND-KT ngày 31/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
Phương án sử dụng vốn	: Các tài sản mà Nhà nước đã đầu tư 218.569.910.000 đồng sẽ được quyết toán và ghi nhận thành tài sản của Công ty. Số tiền mặt huy động được từ các cổ đông khác là 1.721.930.000 đồng sẽ được sử dụng bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty.
Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng *(trừ số cổ phiếu không chào bán hết được thực hiện theo phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết)*

Chuyển nhượng quyền mua	: Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng 01 lần duy nhất, bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định phân phối toàn bộ số cổ phiếu không chào bán hết (do cổ phiếu lẻ phát sinh và/hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết) theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Nhà đầu tư mua cổ phần chào bán riêng lẻ của Công ty (Công ty Cổ phần Cấp nước Trung Tiến – MST 6300288622) và (ii) các nhà đầu tư khác quan tâm với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết nếu thực hiện phân phối tiếp thì sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Thời gian dự kiến phát hành	: Sau khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phương án phát hành

2. Phương án chào bán riêng lẻ (Thực hiện sau khi Công ty hoàn thành phát hành cổ phiếu cho CĐHH)

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường Nông thôn Hậu Giang
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ hiện tại	: 340.358.000.000 đồng
Số lượng cổ phần hiện tại	: 34.035.800 cổ phần
Đối tượng phát hành	: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư sau: - Tên: Công ty Cổ phần Cấp nước Trung Tiến - MST: 6300288622
Số lượng cổ phần phát hành	: 72.557 cổ phần

Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 725.570.000 đồng *(Bảy trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)*
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phần
Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần	: Nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản của Công ty.
Mục đích tăng vốn	: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày nộp tiền mua cổ phiếu.
Chuyển nhượng quyền mua	: Nhà đầu tư trên không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác
Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định phân phối toàn bộ số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá phát hành
Thời gian dự kiến phát hành	: Sau khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phương án phát hành và Công ty hoàn thành đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu

III. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ nêu trên, kính trình ĐHĐCĐ giao HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty;
- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền;
- Quyết định bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và giải trình toàn bộ các vấn đề, nội dung của phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ;

- Quyết định sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ Công ty theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành;

- Thực hiện các thủ tục sửa đổi nội dung Giấy phép đăng ký kinh doanh;

- Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300330918 C.T.C.P CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG KV I THỦY - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 08/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Sáng lập Á Châu.

Báo cáo năm 2025 đã được kiểm toán và công bố thông tin theo quy định, gồm các nội dung sau:

1.Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản	529.100
2	Nợ phải trả	8.595
3	Doanh thu thuần	113.139
4	Vốn chủ sở hữu	520.505
5	Lợi nhuận trước thuế	2.321
6	Lợi nhuận sau thuế	2.321

(Đính kèm Báo cáo)

2. Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần "Ý kiến ngoại trừ" của kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Cấp Nước Và Vệ Sinh Môi Trường Nông Thôn Hậu Giang** tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng

như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Số: 09/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Kế hoạch tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Công văn số 2607/UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thống nhất điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
A- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SXKD				
I. Sản lượng		**13.471.968**	**15.500.000**	
1. Nước sinh hoạt	m^3	12.337.278	14.214.553	
2. Nước hành chính sự nghiệp	m^3	494.362	572.738	
3. Nước sản xuất	m^3	131.841	146.353	
4. Nước kinh doanh, dịch vụ	m^3	508.487	566.356	
II. Kết quả kinh doanh		**113.139**	**124.599**	
1. Nước sinh hoạt	Triệu đồng	92.660	106.699	
2. Nước hành chính sự nghiệp	Triệu đồng	4.746	5.498	
3. Nước sản xuất	Triệu đồng	1.318	1.464	
4. Nước kinh doanh, dịch vụ	Triệu đồng	6.102	6.796	

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
5. Hoạt động sản xuất, thương mại, thi công	Triệu đồng	6.811	3.168	
6. Thu khác	Triệu đồng	973	774	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	529	200	
2. Lãi phát sinh				
a. Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.321	2.766	
b. Sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.321	2.766	
3. Lỗ phát sinh	Triệu đồng	-	-	
4. Lỗ lũy kế	Triệu đồng	28.130	-	
III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		**3.659**	**4.025**	
1. Từ hoạt động SXKD, DV	Triệu đồng	3.659	4.025	
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	-	-	
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	-	-	
c. Thuế TNDN	Triệu đồng	-	-	
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	3.659	4.025	
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	Triệu đồng	-	-	
B- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1. Tổng tài sản	Triệu đồng	529.100		
2. Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	520.505	522.826	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*Triệu đồng*	*340.358*	*548.190*	
- Vốn khác của chủ sở hữu	*Triệu đồng*	-	-	
- Quỹ Đầu tư phát triển	*Triệu đồng*	-	-	
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	*Triệu đồng*	*208.277*		
- Nguồn vốn khác của CSH (Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước)	*Triệu đồng*	*(28.130)*	*(25.364)*	
3. Vốn điều lệ được phê duyệt	Triệu đồng	340.358	558.927	
C- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN				

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1. Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	2.321	2.766	
2. Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	Triệu đồng	-	-	
3. Thuế TNDN phải nộp	Triệu đồng	-	-	
4. Lợi nhuận còn lại (dùng để bù lỗ giá trị hao mòn năm 2019 do Trung tâm chuyển qua)	Triệu đồng	2.321	2.766	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 21/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	31/12/2025	01/01/2025	Ghi chú
I	**TÀI SẢN**			
1	**Tài sản ngắn hạn**	**52.388**	**50.365**	
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11.091	14.553	
1.2	Các khoản đầu tư ngắn hạn	330	285	
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	17.789	13.110	
1.4	Hàng tồn kho	6.780	4.757	
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	16.398	17.660	
2	**Tài sản dài hạn**	**476.712**	**473.290**	
2.1	Tài sản cố định	460.103	441.200	
2.2	Tài sản dở dang dài hạn	10.311	21.152	
2.3	Tài sản dài hạn khác	6.298	10.938	
TỔNG TÀI SẢN		**529.100**	**523.655**	
II	**NGUỒN VỐN**			
1	**Nợ phải trả**	**8.595**	**5.470**	
1.1	Nợ ngắn hạn	8.595	5.470	
1.2	Nợ dài hạn			
1.3	Dự phòng nghiệp vụ			
2	**Vốn chủ sở hữu**	**520.505**	**518.185**	
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	340.358	340.358	
2.2	Vốn đầu tư XDCB	208.277	208.277	
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(28.130)	(30.450)	
TỔNG NGUỒN VỐN		**529.100**	**523.655**	

B. BÁO CÁO THU NHẬP

STT	NỘI DUNG	ĐVT	31/12/2025	GHI CHÚ
1	**Doanh thu**	Triệu đồng	**113.139**	
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	111.637	
	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	529	
	Thu nhập khác	Triệu đồng	973	
2	**Chi phí**	Triệu đồng	**110.818**	
	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	91.607	
	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	5.633	
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	12.153	
	Chi phí khác	Triệu đồng	1.425	
3	**Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp**	Triệu đồng	**2.321**	
4	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	Triệu đồng		
5	**Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp**	Triệu đồng		
6	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	Triệu đồng	**2.321**	

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	NỘI DUNG	ĐVT	31/12/2025	GHI CHÚ
1	**Cơ cấu tài sản**			
	Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	86,96	
	Tài sản lưu động/ Tổng tài sản			
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	Nợ/ Tổng nguồn vốn	%	1,62	
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	98,38	
3	**Chỉ số thanh khoản**			
	Tổng tài sản/Tổng nợ	%	6.155,90	
	Tổng tài sản lưu động & đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn			
	Tiền đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn			
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			

	Lợi nhuận trước thuế/(Doanh thu thuần + thu nhập từ hoạt động tài chính + thu nhập khác)	%	2,05	
	Lợi nhuận sau thuế/(Doanh thu thuần + thu nhập từ hoạt động tài chính + thu nhập khác)	%	2,05	
STT	**NỘI DUNG**	**ĐVT**	**31/12/2023**	**GHI CHÚ**
	Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	0,44	
	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,44	
	Lợi nhuận trước thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,45	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 10/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 cụ thể như sau:

1. Kết quả phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền	So NQ năm 2024 (đạt %)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	108.600	103,01
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	106.330	102,47
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.270	136,66
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	1.753	105,54
5	Bù lỗ của Trung tâm chuyển qua	Triệu đồng	1.753	105,54

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền	So NQ năm 2024 (đạt %)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	113.139	96,30
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	110.818	96,21
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.321	101,09

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền	So NQ năm 2025 (đạt %)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.321	126,35
5	Bù lỗ giá trị hao mòn năm 2019 của Trung tâm chuyển qua	Triệu đồng	2.321	126,35

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và Kế hoạch dự toán Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên, Thư ký HĐQT, Người lao động và Ban điều hành Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Công văn số 2607/UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thống nhất điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 2609/UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ý kiến quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên (chuyên trách và không chuyên trách) Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và Kế hoạch dự toán Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên, Thư ký HĐQT, Người lao động và Ban điều hành như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2025:

1. Tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng 7 tháng đầu năm 2025:

1.1. Quỹ tiền lương thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách: (02 người)

- Chủ tịch HĐQT: 187.550 ngàn đồng (*Lương BQ/tháng: 26.793 ngàn đồng*).

- Trưởng Ban kiểm soát: 149.050 ngàn đồng (*Lương BQ/tháng: 21.293 ngàn đồng*).

1.2. Thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: (04 người)

- Thành viên hội đồng (02 người): 28.000 ngàn đồng (*2.000 ngàn đồng/người/tháng*).

- Kiểm soát viên (02 người): 21.000 ngàn đồng (*1.500 ngàn đồng/người/tháng*).

- Thư ký HĐQT (01 người): 10.500 ngàn đồng (*1.500 ngàn đồng/ tháng*).

1.3. Tiền thưởng

Trong kỳ không thực hiện chi khen thưởng cho thành viên hội đồng, Kiểm soát viên.

2. Tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng 5 tháng cuối năm 2025:

2.1. Quỹ tiền lương thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách: (02 người)

- Chủ tịch HĐQT: 139.150 ngàn đồng (*Lương BQ/tháng: 27.830 ngàn đồng*).

- Trưởng Ban kiểm soát: 110.550 ngàn đồng (*Lương BQ/tháng: 22.110 ngàn đồng*).

2.2. Thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: (04 người)

- Thành viên hội đồng (02 người): 20.000 ngàn đồng (*2.000 ngàn đồng/người/tháng*).

- Kiểm soát viên (02 người): 15.000 ngàn đồng (*1.500 ngàn đồng/người/tháng*).

- Thư ký HĐQT (01 người): 10.500 ngàn đồng (*1.500 ngàn đồng/ tháng*).

2.3. Tiền thưởng

- Chủ tịch HĐQT: 27.718 ngàn đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 21.844 ngàn đồng.

3. Tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2025:

3.1 Quỹ tiền lương của người lao động và ban điều hành (132 người): 9.952 triệu đồng.

- Ban điều hành (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng): 816 triệu đồng.

- Người lao động (129 người): 9.136 triệu đồng.

- Lương BQ/người/tháng: 6 triệu.

3.2 Quỹ tiền lương của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách (02 người): 586 triệu đồng

- Chủ tịch HĐQT: 326 triệu đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 260 triệu đồng.

3.3 Thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách, Thư ký Hội đồng quản trị (05 người):

- Thành viên hội đồng (02 người): 48 triệu đồng.

- Kiểm soát viên (02 người): 36 triệu đồng.

- Thư ký (01 người): 18 triệu đồng.

3.4 Khen thưởng (134 người): 1.263 triệu đồng

- Người lao động và ban điều hành (132 người): 1.213 triệu đồng

- Chủ tịch HĐQT: 28 triệu đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 22 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2026

1. Quỹ tiền lương của người lao động và ban điều hành (171 người): 18.521 triệu đồng.

- Ban điều hành (5 người): 1.584 triệu đồng.

- Người lao động (166 người): 16.937 triệu đồng.

- Lương bình quân/người/tháng: 9 triệu đồng.

2. Quỹ tiền lương của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách (02 người): 721 triệu đồng

- Chủ tịch HĐQT: 393 triệu đồng (Lương BQ/tháng: 32,75 triệu đồng).

- Trưởng Ban kiểm soát: 328 triệu đồng (Lương BQ/tháng: 27 triệu đồng).

3. Thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách và Thư ký Hội đồng quản trị (05 người):

- Thành viên hội đồng (02 người): 48 triệu đồng. (2 triệu đồng/tháng/người)

- Kiểm soát viên (02 người): 36 triệu đồng (1,5 triệu đồng/tháng/người)

- Thư ký (01 người): 18 triệu đồng (1,5 triệu đồng/tháng/người)

4. Khen thưởng (173 người): 4.650 triệu đồng

- Người lao động và ban điều hành (171 người): 4.476 triệu đồng

- Chủ tịch HĐQT: 95 triệu đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 79 triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 12/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các chỉ tiêu giám sát để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Công văn số 2607/UBND-KT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thống nhất điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu giám sát để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 đối với Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu giám sát để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026, cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu 1: Doanh thu (chưa thuế): 124.599 triệu đồng.

2. Chỉ tiêu 2: Lợi nhuận sau thuế: 2.766 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu 3: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 0,53% (2.766 triệu đồng/522.826 triệu đồng).

4. Chỉ tiêu 4: Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo Luật đầu tư công; khoản

đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định: đạt 100% theo kế hoạch (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Số: 13/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, tính công khai, tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh đơn vị, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

- Thống nhất chọn danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập do Hội đồng quản trị đề xuất.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị cụ thể có trong danh sách để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2026, gồm các đơn vị có tên sau đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).
Địa chỉ: Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh.
2. Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Sáng Lập Á Châu (FCA).
Địa chỉ: Số 346 Bến Vân Đồn, Phường Vĩnh Hội, TP Hồ Chí Minh.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC.
Địa chỉ: 389A, Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Công văn số 1897/UBND-KT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ý kiến về phương án tăng vốn Nhà nước đã đầu tư sau cổ phần hoá tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty hiện hành, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều, khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật, các yêu cầu quản trị và điều hành. Đồng thời cập nhật vốn điều lệ của Công ty theo phương án tăng vốn đã được UBND thành phố thống nhất theo Công văn số 1897/UBND-KT. Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung của Điều lệ Công ty với những nội dung được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Điều lệ mới sửa đổi, bổ sung năm 2026 của Công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300330917 C.T.C.P
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
KV VI THỦY - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
(Sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Cần Thơ, Tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 6
Điều 3. Đại diện theo pháp luật của Công ty 7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 9
Điều 8. Chứng chỉ trái phiếu và chứng khoán khác 10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 10
Điều 10. Xử lý cổ phần chưa thanh toán đủ 11
CHƯƠNG V. 11QUẢN LÝ VỐN TẠI DOANH NGHIỆP 11
Điều 11. Nguyên tắc quản lý vốn nhà nước tại Công ty 11
Điều 12. Tiêu chuẩn người đại diện vốn nhà nước 12
Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước 12
Điều 14. Chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp 13
Điều 15. Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp 13
Điều 16. Đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện vốn Nhà nước 14
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 14
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 14
CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 14
Điều 18. Quyền của cổ đông 14
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông 16
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 22. Đại diện theo ủy quyền 19
Điều 23. Thay đổi các quyền 21
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 28
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 29
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 29
Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 30
Điều 33. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 31
Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị . 34
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị 35
Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 35
CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY 38
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý 38
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc 38
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT 39
Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 39
Điều 40. Kiểm soát viên 40
Điều 41. Ban kiểm soát 41
CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ GIÁM ĐỐC 43
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng 43
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 43
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 44
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 45
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 45
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 46
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn 46

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 46
Điều 47. Phân phối lợi nhuận sau thuế 46
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, ... 47
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 47
Điều 48. Tài khoản ngân hàng 47
Điều 49. Năm tài chính 48
Điều 50. Chế độ kế toán 48
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 48
Điều 51. Nguyên tắc báo cáo 48
Điều 52. Các loại báo cáo và thời hạn thực hiện 48
Điều 53. Trách nhiệm công bố thông tin 49
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY 49
Điều 54. Kiểm toán 49
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU 50
Điều 55. Con dấu 50
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 50
Điều 56. Chấm dứt hoạt động 50
Điều 57. Gia hạn hoạt động 50
Điều 58. Thanh lý 50
CHƯƠNG XX. GIÁM SÁT NỘI BỘ CỦA DOANH NGHIỆP 51
Điều 59. Mục tiêu, nguyên tắc giám sát nội bộ 51
Điều 60. Nội dung giám sát nội bộ 52
CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 52
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ 52
CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 53
Điều 62. Điều lệ công ty 53
CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC 53
Điều 63. Ngày hiệu lực 53

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh Môi trường nông thôn Hậu Giang chính thức vào ngày ... tháng 6 năm 2025.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

b) "Công ty" là Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh Môi trường nông thôn Hậu Giang;

c) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

d) "Luật Doanh Nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

e) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f) "Đại hội đồng cổ đông" gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

i) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

j) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

m) "Người được ủy quyền dự họp" là người được Cổ Đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

n) "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là UBND thành phố Cần Thơ;

o) "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp" là việc Nhà nước sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp;

p) "Người đại diện phần vốn nhà nước" là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần;

q) "Vốn nhà nước tại doanh nghiệp" là giá trị của phần vốn nhà nước được xác định theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ trên tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**

- Tên tiếng Anh: **HAU GIANG ENVIRONMENTAL SANITATION AND WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: ấp 2, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Điện thoại:(0293) 3573 355

- E-mail: hgcerwass@gmail.com

- Website: nuocsachhaugiang.com.vn

- Logo của Công ty

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh va van pnong đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 Điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Toà án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã uỷ quyền.

3. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm a Khoản này.

4. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Quản lý khai thác các công trình thủy lợi; Thiết kế công trình cấp thoát nước, giám sát lắp đặt thiết bị công trình cấp thoát nước, tư vấn lập dự án đầu tư; thi công xây lắp và sửa chữa công trình cấp thoát nước; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước; Xét nghiệm chất lượng nước; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Thoát nước và xử lý nước thải; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm; quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thực hiện liên doanh liên kết hợp tác đầu tư trong lĩnh vực cấp thoát nước.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm: tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Công ty trong sự hài hòa lợi ích của các Cổ đông; không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động; đồng thời đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **561.375.410.000** đồng Việt Nam.

(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi mốt tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm mười ngàn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **56.137.541** cổ phần với mệnh giá là mười nghìn đồng Việt Nam trên một cổ phần (10.000VNĐ/cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này. Số cổ phần cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không mua hết trong thời hạn quy định sẽ do Hội đồng quản trị quyết định chào bán cho các đối tượng khác theo điều kiện và phương thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn so với điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật doanh nghiệp, văn bản pháp luật có liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả cho Công ty để tiêu hủy;

b) Phải chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau hai (02) tháng kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

5. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng nhận này bị mất hoặc được sử dụng với mục đích trái pháp luật.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 8. Chứng chỉ trái phiếu và chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (nếu có) được phát hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Công ty. Nội dung, hình thức và việc quản lý các chứng chỉ này thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Xử lý cổ phần chưa thanh toán đủ

1. Cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết phát hành cổ phần của Công ty.

2. Trường hợp cổ đông không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua đúng thời hạn, Hội đồng quản trị có quyền gửi thông báo yêu cầu thanh toán phần còn thiếu và các chi phí phát sinh (nếu có). Thông báo phải nêu rõ thời hạn thanh toán bổ sung và hậu quả pháp lý nếu không thực hiện đúng yêu cầu.

3. Hết thời hạn thông báo mà cổ đông vẫn không thanh toán đủ số tiền phải thanh toán thì:

- Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty đối với số cổ phần chưa thanh toán;
- Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán.

4. Số cổ phần chưa được thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền chào bán theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh trong thời gian trước ngày Công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông.

6. Việc xử lý cổ phần chưa thanh toán phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG V
QUẢN LÝ VỐN TẠI DOANH NGHIỆP

Điều 11. Nguyên tắc quản lý vốn nhà nước tại Công ty

1. Phần vốn nhà nước tại Công ty được quản lý thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật số 68/2025/QH15.

Điều 12. Tiêu chuẩn người đại diện vốn nhà nước

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với yêu cầu của vị trí, chức danh được bổ nhiệm, cử làm người đại diện.

4. Không trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật.

5. Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh vợ, chị vợ, em vợ của một trong những người sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;

c) Giám đốc;

d) Kiểm soát viên;

e) Kế toán trưởng.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp có vốn nhà nước.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Thực hiện quyền, trách nhiệm một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Nhà nước, Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Các nội dung người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;

b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của doanh nghiệp;

d) Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

đ) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

e) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25 của Luật số 68/2025/NĐ-CP.

3. Chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của Luật số 68/2025/NĐ-CP, bao gồm các nội dung về xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tình hình đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Không được tiếp tục làm người đại diện phần vốn nhà nước khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn nhà nước hoặc thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc khi bị cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 14. Chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp

Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 và khoản 7 Điều 27 của Luật số 68/2025/NĐ-CP, Điều 26, Điều 27 và khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của Công ty.

3. Hằng năm, Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về biến động vốn chủ sở hữu của Công ty để theo dõi, giám sát. Trường hợp chưa bảo toàn được vốn chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty phải giải trình rõ nguyên nhân, biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của Công ty.

Điều 16. Đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện vốn Nhà nước

1. Việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp được thực hiện hằng năm theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Kết quả đánh giá hoạt động của doanh nghiệp là cơ sở để cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá người đại diện phần vốn nhà nước, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp.

2. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện vốn Nhà nước thực hiện theo quy định của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

CHƯƠNG VI
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Ban Giám đốc.

CHƯƠNG VII
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i)Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Luật Doanh Nghiệp với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối;

j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4, Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

d) Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

6. Bảo mật thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt theo đề nghị Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b)Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. Trường

hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát;

e) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty:

- Thông qua báo cáo tài chính năm;

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25 và Điều 27 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại địa chỉ *"https://nuocsachhaugiang.com.vn"* và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã là công ty đại chúng hoặc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch).

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

d) Và các trường hợp khác ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ

đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều152 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên

Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;trình độ học vấn, trình độ chuyên môn; quá trình công tác;

b) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

c) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

d) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

e) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

f) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc các đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 33. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

i) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

8. Trường hợp công ty hoạt động theo mô hình công ty đại chúng và tuân thủ theo quy định Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, Công ty sẽ có người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của các luật hiện hành và Điều lệ.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu

bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, email, phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

14. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản theo Điều 158 của Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

CHƯƠNG IX
TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Bộ máy quản lý của Công ty gồm có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Bộ máy quản lý của Công ty chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của công ty.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

f) Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X
BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung

thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, quá trình công tác;

b) Các công ty mà ứng viên đang giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát;

c) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

d) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

e) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 40. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người giữ các chức vụ quản lý của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b)Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 41. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ cụ thể sau:

a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

đ) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

h) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

i) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

k) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

l) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

m) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

n) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông

tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG XI
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốcvà người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốcvà người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác,nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc

không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận sau thuế

1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ này, bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, hài hòa lợi ích của Nhà nước và các cổ đông, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền.

2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty, sau khi chia lãi cho các bên hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ các năm trước theo quy định của pháp luật thuế, được sử dụng để xử lý các khoản sau:

a) Chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan;

b) Chi phí đầu tư không hiệu quả, chi phí đầu tư thất bại, các khoản đầu tư có tính đặc thù, rủi ro theo quy định của pháp luật;

c) Chi phí thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công ích do cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có).

3. Phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý theo khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:

a) Trích Quỹ đầu tư phát triển

- Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của Công ty theo kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty đã được phê duyệt. Mức trích tối đa không quá 50% lợi nhuận sau thuế còn lại;

- Sử dụng để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, nâng cấp hệ thống cấp nước, giảm thất thoát nước, bổ sung vốn điều lệ.

b) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Mức trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện không thấp hơn kế hoạch; trích không quá 03 tháng tiền lương thực hiện nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch.

- Việc trích lập căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp hằng năm.

c) Trích lập các quỹ khác (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định có liên quan.

d) Phần lợi nhuận còn lại

- Sau khi trích lập các quỹ, phần lợi nhuận còn lại được chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần;

- Đối với phần vốn nhà nước:

+ Cổ tức được chia bằng tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

+ Trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc đầu tư dự án thì thực hiện theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định của Chính phủ.

4. Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hằng năm trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

5. Hình thức và tổ chức chi trả cổ tức

a) Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, cổ phiếu hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp chi trả bằng tiền mặt: Thực hiện bằng đồng Việt Nam; Thanh toán trực tiếp hoặc qua tổ chức trung gian theo thông tin cổ đông cung cấp;

c) Hội đồng quản trị quyết định ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức theo quy định;

d) Công ty không phải trả lãi đối với khoản cổ tức chưa chi trả.

6. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện phương án phân phối lợi nhuận sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và giám sát việc nộp ngân sách đối với phần vốn nhà nước.

CHƯƠNG XV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI
BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Nguyên tắc báo cáo

1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo bảo đảm đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước.

2. Việc lập, gửi và công khai báo cáo phải tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và việc cung cấp thông tin theo quy định.

Điều 52. Các loại báo cáo và thời hạn thực hiện

1. Công ty có trách nhiệm lập và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu các báo cáo sau:

a) Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

b) Kết quả thực hiện kế hoạch hằng quý bao gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp;

c) Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty trước ngày 30 tháng 4 năm sau liền kề.

d) Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán trước ngày 30 tháng 3 năm sau liền kề.

e) Báo cáo mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện.

f) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

g) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

h) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

i) Các báo cáo khác theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

j) Kết quả giám sát nội bộ.

Điều 53. Trách nhiệm công bố thông tin

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2. Giám đốc Công ty lập và trình các báo cáo bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.

4. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu và cung cấp thông tin cho cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XVII
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ Tài chính cấp.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII
CON DẤU

Điều 55. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban

thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX
GIÁM SÁT NỘI BỘ CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Mục tiêu, nguyên tắc giám sát nội bộ

1. Công ty phải thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

2. Mục tiêu giám sát nội bộ

a) Kịp thời nắm bắt những tồn tại trong hoạt động quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường sự minh bạch trong quản lý, điều hành.

c) Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

d) Đảm bảo việc quản lý, cơ cấu lại vốn đầu tư của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

3. Nguyên tắc giám sát nội bộ

a) Tuân theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, quy trình, quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm tính khách quan, kịp thời, công khai, minh bạch.

b) Công ty chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế, quy trình phục vụ giám sát nội bộ và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: Quy chế tài chính, quy chế nội bộ, quy trình quản lý rủi ro, quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ khác của doanh nghiệp.

c) Chủ động thực hiện giám sát nội bộ; tăng cường phối hợp có hiệu quả giữa đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát nội bộ và đơn vị, cá nhân liên quan trong công tác giám sát, kiểm tra.

d) Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện giám sát nội bộ doanh nghiệp, kịp thời xây dựng giải pháp, biện pháp ngăn chặn nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản doanh nghiệp theo kết quả giám sát nội bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

Điều 60. Nội dung giám sát nội bộ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước.

3. Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty.

4. Nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

CHƯƠNG XXI
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQTchủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXII
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 23 chương 63 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang nhất trí thông qua ngày .... tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng 6 năm 2026. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

2. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

b) Một (01) bản gửi Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;

c) Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc`

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:
- UBND thành phố Cần Thơ,
- Sở Tài chính.

Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước về những nội dung biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

Công ty đã hoàn chỉnh dự thảo Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang. Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang kính trình Sở Tài chính tham mưu trình UBND thành phố thống nhất cho Người đại diện phần nước Nhà nước biểu quyết, nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2025	Quy định tại Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026	Căn cứ sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	**PHẦN MỞ ĐẦU** Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15; Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;	Bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật mới

	Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; b) "Công ty" là Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh Môi trường nông thôn Hậu Giang; c) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; d) "Luật Doanh Nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; e) "Luật Chứng Khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; b) "Công ty" là Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh Môi trường nông thôn Hậu Giang; c) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; d) "Luật Doanh Nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ~~e) "Luật Chứng Khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26~~	Bỏ do Công ty không thuộc Công ty đại chúng không thuộc đối tượng

năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; f) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; g) "Đại hội đồng cổ đông" gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty; h) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; j) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần và được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần; k) Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;	~~tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;~~ f) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; g) "Đại hội đồng cổ đông" gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty; h) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp. ~~khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;~~ j) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần. ~~và được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần;~~ k) Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;	áp dụng Luật chứng khoán Bỏ do Công ty không thuộc Công ty đại chúng không thuộc đối tượng áp dụng Luật chứng khoán Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2020

l) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;	~~l) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;~~	Bỏ do Công ty không thuộc Công ty đại chúng không thuộc đối tượng áp dụng Luật chứng khoán
m) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	m) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	
n) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;	n) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;	
o) "Người được ủy quyền dự họp" là người được Cổ Đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	o) "Người được ủy quyền dự họp" là người được Cổ Đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	
	p) "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là UBND thành phố Cần Thơ;	Bổ sung theo Điều 3 Luật số 68/2025/QH15
	q) "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp" là việc Nhà nước sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp;	
	r) "Người đại diện phần vốn nhà nước" là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần;	

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	s) "Vốn nhà nước tại doanh nghiệp" là giá trị của phần vốn nhà nước được xác định theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ trên tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: ~~ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang~~ ấp 2, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ.	Cập nhật địa chỉ theo địa giới hành chính mới
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 4. Vốn điều lệ của Công ty là 340.358.000.000 đồng Việt Nam.	**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 4. Vốn điều lệ của Công ty là ~~340.358.000.000~~ 561.375.410.000 đồng Việt Nam.	Căn cứ Công văn số 3399/UBND-KT ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Cần Thơ; Công văn số 1897/UBND-KT ngày

(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tỷ ba trăm năm mươi tám triệu đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành ~~34.035.800~~ cổ phần với mệnh giá là mười nghìn đồng Việt Nam trên một cổ phần (10.000VNĐ/cổ phần).	*(Bằng chữ: ~~Ba trăm bốn mươi tỷ ba trăm năm mươi tám triệu đồng~~) (Năm trăm sáu mươi mốt tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm mười ngàn đồng)* Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành ~~34.035.800~~ 56.137.541 cổ phần với mệnh giá là mười nghìn đồng Việt Nam trên một cổ phần (10.000VNĐ/cổ phần).	15/4/2026 của UBND thành phố Cần Thơ.
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	**Điều 8. Chứng chỉ trái phiếu và chứng khoán khác** Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (nếu có) được phát hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Công ty. Nội dung, hình thức và việc quản lý các chứng chỉ này thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.	Căn cứ Điều 111, Điều 121 và Điều 128 đến Điều 130 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Chỉnh sửa câu từ phù hợp với thực tiễn.
Điều 10. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và	**Điều 10. Xử lý cổ phần chưa thanh toán đủ** 1. Cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết phát hành cổ phần của Công ty. 2. Trường hợp cổ đông không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua đúng thời hạn, Hội đồng quản trị có quyền gửi thông báo yêu cầu thanh toán phần còn thiếu và các chi phí phát sinh (nếu có). Thông báo phải nêu rõ thời hạn	Căn cứ Điều 113 Luật Doanh nghiệp 2020; Căn cứ Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020; Chỉnh sửa các nội dung đã hết hiệu lực Chỉnh sửa câu từ ngắn gọn, dễ áp dụng thực tế.

thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán của Công ty. Cổ phần được quyền chào bán là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà Công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi phải thanh toán cho Công ty cộng với mức lãi suất (không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời	thanh toán bổ sung và hậu quả pháp lý nếu không thực hiện đúng yêu cầu. 3. Hết thời hạn thông báo mà cổ đông vẫn không thanh toán đủ số tiền phải thanh toán thì: - Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty đối với số cổ phần chưa thanh toán; - Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán. 4. Số cổ phần chưa được thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền chào bán theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 5. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh trong thời gian trước ngày Công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. 6. Việc xử lý cổ phần chưa thanh toán phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	

điểm thu hồi) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định của pháp luật hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.		
Chưa quy định	**CHƯƠNG V** **QUẢN LÝ VỐN TẠI DOANH NGHIỆP** **Điều 11. Nguyên tắc quản lý vốn nhà nước tại Công ty** 1. Phần vốn nhà nước tại Công ty được quản lý thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. 2. Người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật số 68/2025/QH15.	Bổ sung theo Điều 5 Luật số 68/2025/QH15

	Điều 12. Tiêu chuẩn người đại diện vốn nhà nước 1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam. 2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. 3. Có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với yêu cầu của vị trí, chức danh được bổ nhiệm, cử làm người đại diện. 4. Không trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật. 5. Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh vợ, chị vợ, em vợ của một trong những người sau đây: a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; c) Giám đốc; d) Kiểm soát viên; e) Kế toán trưởng.	Bổ sung theo Điều 37 Luật số 68/2025/QH15

	6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp có vốn nhà nước. 7. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan. **Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước** 1. Thực hiện quyền, trách nhiệm một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Nhà nước, Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 2. Các nội dung người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị: a) Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ; b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của doanh nghiệp;	Bổ sung theo Điều 27, Điều 39 Luật số 68/2025/QH15

	d) Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty; đ) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất; e) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25 của Luật số 68/2025/NĐ-CP. 3. Chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của Luật số 68/2025/NĐ-CP, bao gồm các nội dung về xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. 4. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tình hình đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	

	5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. 6. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành và quy định khác của pháp luật có liên quan. 7. Không được tiếp tục làm người đại diện phần vốn nhà nước khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn nhà nước hoặc thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc khi bị cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.	
	Điều 14. Chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 và khoản 7 Điều 27 của Luật số 68/2025/NĐ-CP, Điều 26, Điều 27 và khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.	Bổ sung theo khoản 7 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.
	Điều 15. Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp	Bổ sung theo Điều 26 Luật số 68/2025/QH15.

	1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. 2. Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của Công ty. 3. Hằng năm, Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về biến động vốn chủ sở hữu của Công ty để theo dõi, giám sát. Trường hợp chưa bảo toàn được vốn chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty phải giải trình rõ nguyên nhân, biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của Công ty.	
	Điều 16. Đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện vốn Nhà nước 1. Việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp được thực hiện hằng năm theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Kết quả đánh giá hoạt động của doanh nghiệp là cơ sở để cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá người đại diện phần vốn nhà nước, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp. 2. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện vốn Nhà nước thực hiện theo quy định của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan đại diện chủ sở hữu.	Bổ sung theo Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban Kiểm soát; e) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty: - Thông qua báo cáo tài chính năm; - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	**Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban Kiểm soát; e) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty: - Thông qua báo cáo tài chính năm; - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác; - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại; - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty; - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện	- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác; - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại; - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty; - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện	

kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; - Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát; 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên	kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; - ~~Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;~~ - Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát; 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông. ~~hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp~~	Bỏ, Công ty không có thực hiện giao dịch này do không phait là Công ty đại chúng

Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	~~lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.~~ 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
~~**Điều 41. Phân phối lợi nhuận**~~ ~~1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.~~ ~~2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.~~ ~~3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.~~ ~~4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp~~	**Điều 47. Phân phối lợi nhuận sau thuế** ~~1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.~~ 1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ này, bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, hài hòa lợi ích của Nhà nước và các cổ đông, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền. ~~2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.~~ 2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty, sau khi chia lãi cho các bên hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ các năm trước theo quy định của pháp luật thuế, được sử dụng để xử lý các khoản sau:	Do bổ sung thêm 01 Chương Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp gồm 06 Điều nên thay đổi số Điều Căn cứ Điều 25 Luật 68/2025/QH15; Điều 29, Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP Bổ sung đầy đủ phạm vi, nội dung, trình tự thực hiện phân phối lợi nhuận và hoàn thiện ngôn ngữ pháp lý, tăng tính thực thi Căn cứ Khoản 1, Điều 25 Luật 68/2025/QH15

~~mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.~~ ~~5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.~~ ~~6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.~~	a) Chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan; b) Chi phí đầu tư không hiệu quả, chi phí đầu tư thất bại, các khoản đầu tư có tính đặc thù, rủi ro theo quy định của pháp luật; c) Chi phí thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công ích do cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có). ~~3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.~~ 3. Phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý theo khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau: a) Trích Quỹ đầu tư phát triển - Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của Công ty theo kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty đã được phê duyệt. Mức trích tối đa không quá 50% lợi nhuận sau thuế còn lại; - Sử dụng để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, nâng cấp hệ thống cấp nước, giảm thất thoát nước, bổ sung vốn điều lệ.	Căn cứ Khoản 2, Điều 25 Luật 68/2025/QH15; Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP

	b) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi - Mức trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện không thấp hơn kế hoạch; trích không quá 03 tháng tiền lương thực hiện nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch. - Việc trích lập căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp hằng năm. c) Trích lập các quỹ khác (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định có liên quan. d) Phần lợi nhuận còn lại - Sau khi trích lập các quỹ, phần lợi nhuận còn lại được chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần; - Đối với phần vốn nhà nước: + Cổ tức được chia bằng tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định; + Trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc đầu tư dự án thì thực hiện theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định của Chính phủ.	Căn cứ Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP

	~~4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.~~ 4. Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hằng năm trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận. ~~5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư~~	

	~~cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.~~ 5. Hình thức và tổ chức chi trả cổ tức a) Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, cổ phiếu hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật; b) Trường hợp chi trả bằng tiền mặt: Thực hiện bằng đồng Việt Nam; Thanh toán trực tiếp hoặc qua tổ chức trung gian theo thông tin cổ đông cung cấp; c) Hội đồng quản trị quyết định ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức theo quy định; d) Công ty không phải trả lãi đối với khoản cổ tức chưa chi trả. ~~6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.~~ 6. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện phương án phân phối lợi nhuận sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và giám sát việc nộp ngân sách đối với phần vốn nhà nước.	Bổ sung trách nhiệm HĐQT triển khai và giám sát
CHƯƠNG XV	**~~CHƯƠNG XV~~**	Do bổ sung thêm 01 Chương Quản lý vốn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN **Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý** 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết), Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Cơ quan đăng ký kinh doanh. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn)	~~**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**~~ ~~**Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**~~ ~~1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết), Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Cơ quan đăng ký kinh doanh.~~ ~~2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.~~ ~~3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối~~	Nhà nước tại doanh nghiệp gồm 06 Điều nên thay đổi số Chương và số Điều Căn cứ Điều 54, Luật số 68/2025/QH15; Điều 39, Điều 41 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ Việc sửa đổi nhằm bảo đảm Điều lệ Công ty phù hợp quy định pháp luật hiện hành, nâng cao tính công khai, minh bạch, tăng cường hiệu quả quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc cụ thể hoá các Báo cáo và quy định thời gian giúp Công ty dễ thực hiện tránh bỏ sót hoặc gửi sai thời gian

theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, UBND tỉnh, Sở tài chính và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp. 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp. **Điều 46. Báo cáo thường niên** Trường hợp Công ty đã là công ty đại chúng thì Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	~~với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, UBND tỉnh, Sở tài chính và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.~~ ~~4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.~~ ~~5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.~~ ~~**Điều 46. Báo cáo thường niên**~~ ~~Trường hợp Công ty đã là công ty đại chúng thì Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.~~ **CHƯƠNG XVI**	

	BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN **Điều 51. Nguyên tắc báo cáo** 1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo bảo đảm đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước. 2. Việc lập, gửi và công khai báo cáo phải tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. 3. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và việc cung cấp thông tin theo quy định. **Điều 52. Các loại báo cáo và thời hạn thực hiện** 1. Công ty có trách nhiệm lập và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu các báo cáo sau: a) Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp; b) Kết quả thực hiện kế hoạch hằng quý bao gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp; c) Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty trước ngày 30 tháng 4 năm sau liền kề. d) Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán trước ngày 30 tháng 3 năm sau liền kề.	

	e) Báo cáo mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện. f) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện. g) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; h) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện; i) Các báo cáo khác theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. j) Kết quả giám sát nội bộ. **Điều 53. Trách nhiệm công bố thông tin** 1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. 2. Giám đốc Công ty lập và trình các báo cáo bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin. 3. Người đại diện phần vốn nhà nước giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.	

	4. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. 5. Công ty có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu và cung cấp thông tin cho cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.	
Chưa quy định	**CHƯƠNG XX** **GIÁM SÁT NỘI BỘ CỦA DOANH NGHIỆP** **Điều 60. Mục tiêu, nguyên tắc giám sát nội bộ** 1. Công ty phải thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 365/2025/NĐ-CP. 2. Mục tiêu giám sát nội bộ a) Kịp thời nắm bắt những tồn tại trong hoạt động quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp. b) Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường sự minh bạch trong quản lý, điều hành. c) Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. d) Đảm bảo việc quản lý, cơ cấu lại vốn đầu tư của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật. 3. Nguyên tắc giám sát nội bộ	Bổ sung Chương mới theo Điều 24 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP

	a) Tuân theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, quy trình, quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm tính khách quan, kịp thời, công khai, minh bạch. b) Công ty chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế, quy trình phục vụ giám sát nội bộ và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: Quy chế tài chính, quy chế nội bộ, quy trình quản lý rủi ro, quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ khác của doanh nghiệp. c) Chủ động thực hiện giám sát nội bộ; tăng cường phối hợp có hiệu quả giữa đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát nội bộ và đơn vị, cá nhân liên quan trong công tác giám sát, kiểm tra. d) Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện giám sát nội bộ doanh nghiệp, kịp thời xây dựng giải pháp, biện pháp ngăn chặn nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản doanh nghiệp theo kết quả giám sát nội bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. **Điều 61. Nội dung giám sát nội bộ** 1. Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	Bổ sung theo Điều 25 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP

	2. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước. 3. Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty. 4. Nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.	

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong văn bản này là không thay đổi.

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Nhằm thực hiện đúng quy định hiện hành và phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo bản Dự thảo đính kèm.

Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026) sẽ có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế quản trị nội bộ năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-HĐQT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày tháng năm 2026 (sửa đổi, bổ sung năm 2026);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCD ngày tháng năm 2026 về việc thông qua Điều lệ và các Quy chế nội bộ Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026).

(Đính kèm quy chế).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và Các phòng, ban trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2026)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày / /2026 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Doanh nghiệp, là cơ sở tăng cường kiểm soát nội bộ, công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, phòng ngừa rủi ro, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.

2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Người điều hành khác của Công ty.

3. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang.

4. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;

d. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty (nếu có);

e. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;

f. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty;

g. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc;

h. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và những Người điều hành khác;

i. Quy định báo cáo và công bố thông tin.

5. Đối tượng áp dụng của quy chế này bao gồm:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và người điều hành Công ty;

b. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;

c. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) *"Quản trị công ty"*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty.

b) *"Công ty"*: là Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang.

c) *"Điều lệ Công ty"*: là Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) *"Cổ đông"*: là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

e) *"Đại hội đồng Cổ đông"*: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

f) *"Người có liên quan"*: là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán và Khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp;

g) "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là UBND thành phố Cần Thơ;

h) "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp" là việc Nhà nước sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp;

i) "Người đại diện phần vốn nhà nước" là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần;

j) "Vốn nhà nước tại doanh nghiệp" là giá trị của phần vốn nhà nước được xác định theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ trên tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

k) *"Người điều hành Công ty"* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác gồm: Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc Công ty;

l) *"Người có quan hệ gia đình"* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông bao gồm Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên website Công ty tại địa chỉ *"https://nuocsachhaugiang.com.vn"*. Đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp được gửi đến cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3, Điều 144, Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

8. Điều kiện tham dự

Các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, hoặc đại diện một nhóm cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông) được quyền tham gia đại hội.

Các cổ đông khi tham dự đại hội có nghĩa vụ tham gia hoặc ủy quyền tham gia theo Điều lệ Công ty và tuân thủ các quy định có liên quan tại Quy chế này. Tất cả cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban Tổ chức Đại hội; nghiêm túc chấp hành nội quy và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

a) Trước đại hội:

- Cổ đông có thể gửi văn bản đăng ký bằng cách chuyển tận tay hoặc chuyển qua đường bưu điện, fax, hoặc thư điện tử tới địa chỉ của Công ty trên thông báo.

- Hội đồng quản trị quyết định các cách thức cụ thể đảm bảo thuận lợi nhất cho cổ đông, cách thức gửi được ghi trong thông báo triệu tập họp.

- Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông, người được uỷ quyền có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b) Tại đại hội:

- Mỗi cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời họp, CMND/Hộ chiếu, riêng đối với đại diện được ủy quyền hợp pháp của cổ đông phải nộp thêm Giấy ủy quyền cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Cổ đông, đại diện cổ đông hợp lệ sau khi đăng ký sẽ được nhận một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi thông tin cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

10. Điều kiện tiến hành Đại hội

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

e) Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

11. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và Ban kiểm tra tư cách cổ đông

a) Hội đồng Quản trị Công ty đề cử Ban Tổ chức Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm: Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu và Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

b) Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

d) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

đ) Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao;

e) Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

g) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định tri hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác theo yêu cầu hoặc đề nghị của Đại hội đồng cô đông. Các trường hợp hoãn hoặc thay đổi địa điểm họp được quy định chi tiết tại Khoản 8 Điều 26 Điều lệ Công ty.

h) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều 26 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

i) Chủ tọa đề cử Ban Thư ký cuộc họp. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Tổ chức Đại hội.

k) Đại hội biểu quyết theo các nội dung trình của Đoàn Chủ tịch.

12. Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

c) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua tại Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

d) Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

13. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 14 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

15. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các yêu cầu về nội dung và hình thức công bố biên bản được quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 28 Điều lệ Công ty và Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7.Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng, thư ký công ty và người phụ trách quản trị công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Qùy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang là ba (03) người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Các nội dung liên quan đến việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty). Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo

nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 13. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 14. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế.

Điều 15. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Nhiệm vụ:

a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế quản trị doanh nghiệp của Công ty;

đ. Giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty; giám sát việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp);

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát.

2. Quyền hạn:

a. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty;

b. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được sự đồng ý của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty: yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác hoặc đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 17. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên

Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên được quy định chi tiết tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát được quy định chi tiết tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 21. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác của kiểm soát viên được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty, Điều 172 Luật Doanh nghiệp và các Quy chế có liên quan.

Chương V
GIÁM ĐỐC

Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị), trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và tổ chức triển khai các phương án, dự án theo quy định của pháp luật;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Doanh nghiệp nhà nước và công ty con của doanh nghiệp nhà nước thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

Điều 26. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

1. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 27. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp dự hoặc cử thành viên của Ban tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên dự họp có thể tham gia thảo luận, nhưng không tham gia biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có văn bản thông báo kết quả cuộc họp gửi cho Trưởng ban Kiểm soát, Giám đốc trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Khi cần thiết, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội

đồng quản trị (thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị) và thành viên Ban Giám đốc (thông qua Giám đốc) tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận những vấn đề liên quan. Thư mời này có đầy đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Khi cần thiết, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị (thông qua Chủ tịch Hội đồng Quản trị) và Kiểm soát viên (thông qua Trưởng ban Kiểm soát) tham gia cuộc họp của Ban Giám đốc để thảo luận những vấn đề liên quan cần họp. Thư mời này có đầy đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất 02 ngày làm việc trước cuộc họp. Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 28. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Các nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị được chuyển đến Ban Kiểm soát và Giám đốc trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày ban hành.

Điều 29. Các trường hợp Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản:

a) Ban Kiểm soát;

b) Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;

d) Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Các trường hợp khác nếu có.

2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng,

năm) hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền (thông qua truyền đạt của Giám đốc) yêu cầu các thành viên Ban Giám đốc và trưởng, phó phòng, ban, các đơn vị trực thuộc Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 31. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

1. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo hoạt động điều hành Công ty, trong đó có cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty.

4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

5. Kiến nghị số lượng cán bộ quản lý, các chức danh khác cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm thực hiện các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý do Hội đồng quản trị đề xuất; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định chính sách về công tác cán bộ quản lý.

6. Xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động; tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị về chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.

7. Chuẩn bị và trình Hội đồng quản trị thông qua các bản dự toán hàng năm hoặc dài hạn (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

8. Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát.

Điều 32. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc kịp thời trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau làm việc trên cơ sở đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế hoạt động có liên quan.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc không can thiệp vào chức năng, nhiệm vụ của nhau. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có thể thông tin ngay bằng gặp trực tiếp hoặc điện thoại hoặc email để giải quyết công việc một cách hiệu quả.

Chương VII

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 33. Đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác

1. Đánh giá cuối năm

a) Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý thuộc thẩm quyền.

b) Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông sau khi thông qua Hội đồng quản trị.

c) Giám đốc chủ trì công tác đánh giá người quản lý, người lao động thuộc thẩm quyền và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2. Khen thưởng, kỷ luật

Các quy định về khen thưởng, kỷ luật được thực hiện theo Quy chế thi đua, khen thưởng và kỷ luật của Công ty.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 36. Trách nhiệm về công khai các lợi ích có liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 37. Trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin

Công tác báo cáo và công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 52 và Điều 53 Điều lệ Công ty, bảo đảm đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời và minh bạch trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước. Hội đồng quản trị, Giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước và người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ báo cáo, công bố và cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang bao gồm 7 chương, 38 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc`

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:
- UBND thành phố Cần Thơ,
- Sở Tài chính.

Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước về những nội dung biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Công ty đã hoàn chỉnh dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang. Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang kính trình Sở Tài chính tham mưu trình UBND thành phố thống nhất cho Người đại diện phần nước Nhà nước biểu quyết, nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ năm 2021	**Quy định tại Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung năm 2026**	**Căn cứ sửa đổi**
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: 1. Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang (Công ty) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:** ~~1. Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang (Công ty) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định~~	Điều chỉnh câu từ do Công ty không thuộc Công ty đại chúng không thuộc đối tượng áp dụng Luật chứng khoán và bổ sung công

tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang.	~~chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang.~~ 1. Việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Doanh nghiệp, là cơ sở tăng cường kiểm soát nội bộ, công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, phòng ngừa rủi ro, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.	tác quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp
Điều 2. Giải thích từ ngữ 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau: a. *"Quản trị công ty"*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm: - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;	**Điều 2. Giải thích từ ngữ** 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau: a) *"Quản trị công ty"*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm: - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;	

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty. b. *"Công ty"*: là Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang. c. *"Điều lệ Công ty"*: là Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang được Đại hội đồng cổ đông thông qua. d. *"Cổ đông"*: là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. đ. *"Đại hội đồng Cổ đông"*: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. e. *"Người có liên quan"*: là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán và Khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp; g. *"Người quản lý công ty"*: gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác gồm: Phó Giám đốc (đại diện vốn nhà nước), Trưởng Ban	- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty. b) *"Công ty"*: là Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang. c) *"Điều lệ Công ty"*: là Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang được Đại hội đồng cổ đông thông qua. d) *"Cổ đông"*: là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. e) *"Đại hội đồng Cổ đông"*: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. f) *"Người có liên quan"*: là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán và Khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp; g) "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là UBND thành phố Cần Thơ;	Bổ sung theo Điều 3 Luật số 68/2025/QH15

Kiểm soát (chuyên trách), Thành viên Ban Kiểm soát (chuyên trách), Người phụ trách quản trị hoặc Thư ký (chuyên trách) và Kế toán trưởng Công ty. h. *"Người điều hành Công ty"* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác gồm: Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc Công ty; i) *"Người có quan hệ gia đình"* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng; 2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.	h) "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp" là việc Nhà nước sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp; i) "Người đại diện phần vốn nhà nước" là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần; j) "Vốn nhà nước tại doanh nghiệp" là giá trị của phần vốn nhà nước được xác định theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ trên tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. k) *"Người điều hành Công ty"* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác gồm: Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc Công ty; l) *"Người có quan hệ gia đình"* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng; 2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ	

	bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.	
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ Công ty.	**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và ~~Điều 15~~ Điều 21 Điều lệ Công ty.	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Thẩm quyền quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty. 2. Trách nhiệm của người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;	**Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Thẩm quyền quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại ~~Điều 18~~ Điều 24 Điều lệ Công ty. 2. Trách nhiệm của người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g) Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông: a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên website Công ty tại địa chỉ "https://nuocsachhaugiang.com.vn". Đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp được gửi đến cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại	d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g) Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông: a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên website Công ty tại địa chỉ *"https://nuocsachhaugiang.com.vn"*. Đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp được gửi đến cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được	

đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa	biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định	

chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại ~~khoản 3 Điều 12 Điều lệ này~~ khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty; c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3, Điều 144, Luật Doanh nghiệp. b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:	a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3, Điều 144, Luật Doanh nghiệp. b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ động ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:	

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. 8. Điều kiện tham dự Các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, hoặc đại diện một nhóm cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông) được quyền tham gia đại hội. Các cổ đông khi tham dự đại hội có nghĩa vụ tham gia hoặc ủy quyền tham gia theo Điều lệ Công ty và tuân thủ các quy định có liên quan tại Quy chế này. Tất cả cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban Tổ chức Đại hội; nghiêm túc chấp hành nội quy và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.	- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. 8. Điều kiện tham dự Các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, hoặc đại diện một nhóm cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông) được quyền tham gia đại hội. Các cổ đông khi tham dự đại hội có nghĩa vụ tham gia hoặc ủy quyền tham gia theo Điều lệ Công ty và tuân thủ các quy định có liên quan tại Quy chế này. Tất cả cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban Tổ chức Đại hội; nghiêm túc chấp hành nội quy và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.	

9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; a) Trước đại hội: - Cổ đông có thể gửi văn bản đăng ký bằng cách chuyển tận tay hoặc chuyển qua đường bưu điện, fax, hoặc thư điện tử tới địa chỉ của Công ty trên thông báo. - Hội đồng quản trị quyết định các cách thức cụ thể đảm bảo thuận lợi nhất cho cổ đông, cách thức gửi được ghi trong thông báo triệu tập họp. - Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông, người được uỷ quyền có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. b) Tại đại hội: - Mỗi cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời họp, CMND/Hộ chiếu, riêng đối với đại diện được ủy quyền hợp pháp của cổ đông phải nộp thêm Giấy ủy quyền cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Cổ đông, đại diện cổ đông hợp lệ sau khi đăng ký sẽ được nhận một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi thông tin cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Giá trị	9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; a) Trước đại hội: - Cổ đông có thể gửi văn bản đăng ký bằng cách chuyển tận tay hoặc chuyển qua đường bưu điện, fax, hoặc thư điện tử tới địa chỉ của Công ty trên thông báo. - Hội đồng quản trị quyết định các cách thức cụ thể đảm bảo thuận lợi nhất cho cổ đông, cách thức gửi được ghi trong thông báo triệu tập họp. - Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông, người được uỷ quyền có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. b) Tại đại hội: - Mỗi cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời họp, CMND/Hộ chiếu, riêng đối với đại diện được ủy quyền hợp pháp của cổ đông phải nộp thêm Giấy ủy quyền cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Cổ đông, đại diện cổ đông hợp lệ sau khi đăng ký sẽ được nhận một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi thông tin cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Giá trị	

biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. - Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. 10. Điều kiện tiến hành Đại hội a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết. b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. - Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. 10. Điều kiện tiến hành Đại hội a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết. b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	

c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	
d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.	d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.	
e) Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	e) Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. ~~và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.~~	Bỏ, Công ty không thuộc đối tượng áp dụng của Luật chứng khoán và Nghị định 155/NĐ-CP

11. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và Ban kiểm tra tư cách cổ đông a) Hội đồng Quản trị Công ty đề cử Ban Tổ chức Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm: Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu và Ban kiểm tra tư cách cổ đông. b) Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. c) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. d) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc	11. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và Ban kiểm tra tư cách cổ đông a) Hội đồng Quản trị Công ty đề cử Ban Tổ chức Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm: Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu và Ban kiểm tra tư cách cổ đông. b) Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. c) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. d) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ	

họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. đ) Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao; e) Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. g) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác theo yêu cầu hoặc đề nghị của Đại hội đồng cổ đông. Các trường hợp hoãn hoặc thay đổi địa điểm họp được quy định chi tiết tại Khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty. h) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. i) Chủ tọa đề cử Ban Thư ký cuộc họp. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Tổ chức Đại hội.	tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. đ) Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao; e) Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. g) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác theo yêu cầu hoặc đề nghị của Đại hội đồng cổ đông. Các trường hợp hoãn hoặc thay đổi địa điểm họp được quy định chi tiết tại Khoản 8 ~~Điều 20~~ Điều 26 Điều lệ Công ty. h) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 ~~Điều 20~~ Điều 26 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. i) Chủ tọa đề cử Ban Thư ký cuộc họp. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Tổ chức Đại hội.	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

k) Đại hội Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 12. Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông a) Các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều lệ Công ty. b) Cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. c) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua tại Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết. d) Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu	k) ~~Đại hội Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.~~ Đại hội biểu quyết theo các nội dung trình của Đoàn Chủ tịch. 12. Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông a) Các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, theo quy định tại Điều lệ Công ty. b) Cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. c) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua tại Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết. d) Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết	Chỉnh sửa câu từ cho dễ hiểu

được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 13. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; - Tổ chức lại, giải thể Công ty. b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu	quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 13. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; - Tổ chức lại, giải thể Công ty. b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền	

quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 14 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 14 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	

b) Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: - Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 15. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó	b) Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: - Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 15. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị	

vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các yêu cầu về nội dung và hình thức công bố biên bản được quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và Điều 150 Luật Doanh nghiệp.	quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các yêu cầu về nội dung và hình thức công bố biên bản được quy định tại ~~Điều 23~~ Điều 29 Điều lệ Công ty và Điều 150 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty và Điều 149 Luật Doanh nghiệp.	**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản** Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều ~~22~~ Điều 28 Điều lệ Công ty và Điều 149 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang là ba (03) người. b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Các nội dung liên quan đến việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.	**Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị** 1. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang là ba (03) người. b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Các nội dung liên quan đến việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại ~~Điều 25~~ Điều 31 Điều lệ Công ty.	Cập nhật lại số Điều theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu. b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu. b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	
Điều 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu	**Điều 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị** 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao	

tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải	nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ sung cho dễ hiểu

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác. 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ~~3/4~~ 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác. 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến	Sửa đổi, do Công ty chỉ có 03 thành viên HĐQT

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	
Điều 16. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo	~~**Điều 16. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**~~ ~~1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.~~ ~~2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.~~ ~~3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo~~	

đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được	~~đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.~~ ~~4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.~~ ~~5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.~~ ~~6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không~~	

cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. 7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. 8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. 10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao. 11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. 12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	~~được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.~~ ~~7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.~~ ~~8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.~~ ~~9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.~~ ~~10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.~~ ~~11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.~~ ~~12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.~~ **Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**	

	1. Nhiệm vụ: a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế quản trị doanh nghiệp của Công ty; đ. Giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty; giám sát việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.	Viết lại hoàn chỉnh phù hợp với Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Bổ sung nội dung giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty; giám sát việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật, theo quy định của Luật số 68/2025/QH15.

	e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp); f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu; Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;	

	h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát. 2. Quyền hạn: a. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty; b. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao; c. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	

	đ. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát: - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được sự đồng ý của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty: yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác hoặc đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình;	

	- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.	
Điều 17. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. c) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên được quy định chi tiết tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.	**Điều 17. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát** 1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. c) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên được quy định chi tiết tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.	

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty. b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật	3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại ~~Điều 33~~ Điều 39 Điều lệ Công ty. b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác của kiểm soát viên được quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty, Điều 172 Luật Doanh nghiệp và các Quy chế có liên quan.	**Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.** Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác của kiểm soát viên được quy định tại ~~Điều 35~~ Điều 41 Điều lệ Công ty, Điều 172 Luật Doanh nghiệp và các Quy chế có liên quan.	
Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc 1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	**Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc** 1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	

2. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước và công ty con của doanh nghiệp nhà nước thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong điều hành, quản lý công ty.	~~2. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước và công ty con của doanh nghiệp nhà nước thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:~~ ~~a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;~~ ~~b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;~~ ~~c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong điều hành, quản lý công ty.~~ 2. Doanh nghiệp nhà nước và công ty con của doanh nghiệp nhà nước thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh	Công ty không phải là Công ty đại chúng nên điều chỉnh lại phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty

	nghiệp tại công ty và công ty mẹ.	
Điều 37. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và công bố thông tin 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	~~**Điều 37. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và công bố thông tin**~~ ~~1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.~~ ~~2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.~~ ~~3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.~~ ~~4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.~~ **Điều 37. Trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin** Công tác báo cáo và công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 51,	Chỉnh sửa lại phù hợp với Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

	Điều 52 và Điều 53 Điều lệ Công ty, bảo đảm đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời và minh bạch trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước. Hội đồng quản trị, Giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước và người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ báo cáo, công bố và cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong văn bản này là không thay đổi.

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Hiện nay có một số thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật của Nhà nước về doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng được sửa đổi, bổ sung. Do đó cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định hiện hành.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang sửa đổi, bổ sung năm 2026 *(Đính kèm quy chế)*.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang sửa đổi, bổ sung năm 2026 có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300330 C.T.C.P CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG X. VỊ THỦY - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-HĐQT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày tháng năm 2026 (sửa đổi, bổ sung năm 2026);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCD ngày tháng năm 2026 về việc thông qua Điều lệ và các Quy chế nội bộ Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026). *(Đính kèm quy chế).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và Các phòng, ban trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Tài chính (b/c);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày / /2026 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (gọi tắt là Công ty) được xây dựng căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhằm đảm bảo thực hiện vai trò lãnh đạo và chức năng quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT), quy định cụ thể nguyên tắc, chế độ làm việc của HĐQT cũng như xác định mối quan hệ giữa HĐQT với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài Công ty.

2. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HĐQT, của các thành viên HĐQT và của các công nhân viên khác hoạt động trong lĩnh vực quản lý của Công ty. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

3. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 2. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Công ty.

2. HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo Điều 33 của Điều lệ Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Điều 3. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo Điều 35 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;

b. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;

c. Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ các kỳ họp HĐQT.

d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế này.

2. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không thực hiện nhiệm vụ được thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 4. Quyền hạn, nghĩa vụ của các thành viên HĐQT

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo sự giám sát của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát trong việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định.

4. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc thanh toán các chi phí này phải phù hợp với Quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

Điều 6. Chức năng điều hành của Giám đốc

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về hoạt động điều hành Công ty .

Điều 7. Thư ký và các bộ phận giúp việc của HĐQT

1. HĐQT sẽ chỉ định một thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của HĐQT và do Giám đốc ký Hợp đồng lao động, HĐQT có thể cử nhiều người cùng thực hiện công việc thư ký Công ty, gọi chung là "Tổ thư ký". Tổ thư ký thực hiện trách nhiệm được giao và được hưởng quyền lợi theo quy định của hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, Điều lệ Công ty, các quyết định của HĐQT và pháp luật.

2. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban chuyên môn bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều người khác nếu HĐQT cho là phù hợp, do một thành viên HĐQT là trưởng tiểu ban để thẩm định và tư vấn cho HĐQT xem xét phê duyệt các đề án hợp tác kinh doanh, các dự án đầu tư cũng như các vấn đề khác thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Chế độ làm việc của HĐQT

1. HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập để xem xét và quyết định những vấn đề trong nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT hoặc không có điều kiện để triệu tập cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Quyết định của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp bất thường theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này.

3. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, chịu trách nhiệm về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình.

4. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Quyết định của HĐQT.

Điều 9. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản được gửi đến các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp.

2. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi nhận được đề nghị bằng văn bản của:

a. Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;

b. Ít nhất hai thành viên HĐQT;

c. Ban kiểm soát.

3. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Điều 9.2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không triệu tập cuộc họp thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn hoặc người có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất 01 ngày trước khi tổ chức cuộc họp.

4. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Công ty. Người triệu tập cuộc họp có quyền yêu cầu Giám đốc công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp nếu thấy cần thiết.

Điều 10. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT tham dự trực tiếp hay ủy quyền.

2. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất nhưng không có đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và khi đó cuộc họp HĐQT được coi là hợp lệ khi có hơn một nữa tổng số thành viên HĐQT tham dự trực tiếp hay theo ủy quyền.

3. Trường hợp triệu tập lần thứ hai vẫn không đủ số lượng thành viên cần thiết quy định tại điều 10.2 thì cuộc họp HĐQT sẽ tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

Điều 11. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT

1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT. Thành viên Ban kiểm soát được mời họp dự thính.

2. Những người quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn cơ sở Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được mời tham dự cuộc

họp khi cần thiết.

3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước thì HĐQT có thể mời đại diện của cơ quan nhà nước có liên quan tham dự cuộc họp. Trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty dự họp.

4. Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến và tham gia thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 12. Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT

1. Giám đốc Công ty chuẩn bị nội dung và tài liệu cho cuộc họp HĐQT khi có yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.

2. Các thành viên HĐQT và các tiểu ban, theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT, có trách nhiệm nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được HĐQT, Giám đốc Công ty chuẩn bị và đề xuất các biện pháp giải quyết để HĐQT xem xét quyết định.

Điều 13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức "hội nghị trực tuyến" giữa các thành viên của HĐQT mà các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia cuộc họp phải:

a) Nghe được từng thành viên khác phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách trực tiếp, đồng thời việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức đó.

2. Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp tại khoản 1 điều 13 này được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định nêu trên được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ toạ cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

3. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại và các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp đó.

Điều 14. Biên bản cuộc họp HĐQT

1. Nội dung cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép trung

thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp HĐQT. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ chữ ký của các thành viên tham dự cuộc họp.

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty khi có yêu cầu.

Điều 15. Quyết định của HĐQT

1. HĐQT sẽ ban hành quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận tại cuộc họp của HĐQT. Quyết định của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp.

2. Nguyên tắc thông qua Quyết định của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT (có mặt hoặc người được ủy quyền hợp lệ) có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Quyết định của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT.

4. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về Quyết định của HĐQT bằng hình thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn 01 giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích cùng với lợi ích của bất kỳ những Người có liên quan nào mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phần, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ hợp đồng quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty sẽ được coi là lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Điều 16. Thông qua quyết định của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản với điều kiện là các thành viên HĐQT phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến

những nội dung được đề nghị HĐQT xem xét quyết nghị

2. Trong trường hợp này, các Quyết định của HĐQT chỉ có hiệu lực khi được ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT gửi phiếu tán thành. Loại quyết định này có hiệu lực và giá trị như là một quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải được ghi vào biên bản thông qua quyết định của HĐQT.

Điều 17. Quyết định của HĐQT

1. Căn cứ Biên bản cuộc họp/quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát để theo dõi, giám sát và thực hiện.

Chương III

PHÂN CẤP QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 18. Trong lĩnh vực huy động vốn

1. HĐQT có quyền đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, quyết định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng từ cho phép người sở hữu mua cổ phần theo một giá xác định trước phù hợp với quy định tại Điều 6 của Điều lệ Công ty, quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi và quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT có thể ủy quyền cho Giám đốc thực hiện một hoặc một số các quyền trên.

Điều 19. Trong lĩnh vực đầu tư ra ngoài Công ty

1. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT quyết định việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần, Công ty TNHH, góp vốn liên doanh với nước ngoài, góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là đơn vị có vốn góp của Công ty) có giá trị trên 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính của công ty được công bố tại thời điểm gần nhất.

2. HĐQT giao cho Giám đốc quyết định việc góp vốn vào đơn vị có vốn góp

của Công ty có giá trị không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính của công ty được công bố tại thời điểm gần nhất. Trong từng thời điểm nhất định, căn cứ đề nghị của Giám đốc và của người đại diện phần vốn góp của Công ty, HĐQT có thể quyết định điều chỉnh các khoản vốn góp này nhằm mục đích bảo toàn và sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả nhất.

3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý có hiệu qủa việc sử dụng các khoản vốn góp ở từng đơn vị có vốn góp của Công ty. Hàng quý, Giám đốc Công ty và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo cho HĐQT về tình hình và hiệu qủa hoạt động sản xuất kinh doanh ở các đơn vị có vốn góp của Công ty.

Điều 20. Trong lĩnh vực đầu tư

1. HĐQT xem xét, quyết định dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư trên 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

2. Giám đốc Công ty xem xét quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư nằm trong kế hoạch đầu tư đã được HĐQT phê duyệt và có tổng mức đầu tư không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại thời điểm gần nhất. Riêng đối với các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch đầu tư hàng năm thì phải được HĐQT phê duyệt chủ trương.

3. Giám đốc có quyền phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng mức đầu tư, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng đối với các dự án do Giám đốc quyết định đầu tư.

4. Đối với các dự án đầu tư do HĐQT quyết định, HĐQT giao cho Giám đốc quyền phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng mức đầu tư và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng.

5. Đối với các dự án đầu tư do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT có quyền phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng.

Điều 21. Trong lĩnh vực mua bán hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động SX-KD của Công ty

Đối với việc tổ chức mua sắm hàng hóa và dịch vụ (vật tư, nguyên nhiên vật liệu...) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Giám đốc Công ty quyết định

và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình nhưng không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Điều 22. Trong lĩnh vực thế chấp cầm cố tài sản và kinh doanh mua bán hàng hóa và dịch vụ

1. Đối với việc mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ (mua bán hàng hóa, dịch vụ thực hiện dự án cho khách hàng, thực hiện phương án kinh doanh, cho thuê thiết bị và cung cấp dịch vụ từ nguồn lực của Công ty, ...), Giám đốc Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình nhưng không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

2. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có quyền quyết định sử dụng tài sản để cho thuê, cầm cố, thế chấp.

Điều 23. Phê duyệt Hợp đồng

1. HĐQT phê duyệt các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 10% và dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. HĐQT giao cho Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm ký kết các hợp đồng có giá trị không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 24. Trong lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1. HĐQT quyết định việc thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, các tài sản cố định do HĐQT quyết định đầu tư.

2. Giám đốc Công ty xem xét quyết định và chịu trách nhiệm đối với việc thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, các tài sản cố định do Giám đốc quyết định đầu tư, mua sắm.

Điều 25. Trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự

1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:

a) Hội đồng quản trị Công ty quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy hoạch, đào tạo lao động, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

b) Giám đốc Công ty kiến nghị cơ cấu tổ chức, kế hoạch sử dụng lao động của Công ty trình HĐQT phê duyệt.

2. Về lĩnh vực nhân sự:

a) Hội đồng quản trị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng.

b) Hội đồng quản trị Công ty chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện của Công ty và Luật sư bảo vệ quyền lợi của Công ty.

c) Hội đồng quản trị Công ty quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các đơn vị có vốn góp của Công ty theo đề nghị của Giám đốc.

d) Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh: Trưởng và Phó các phòng ban chức năng thuộc Công ty và các chức danh khác không do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

3. Về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài :

a) Chủ tịch HĐQT quyết định cử Giám đốc đi công tác nước ngoài.

b) Giám đốc quyết định cử các cán bộ có các chức danh còn lại đi công tác nước ngoài theo yêu cầu công việc.

Điều 26. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền

1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.

2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước HĐQT về:

a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được HĐQT phê duyệt.

b) Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý cổ đông, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; lập các báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Chương IV

QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TY

Điều 27. Quan hệ với Ban Kiểm soát (BKS)

1. HĐQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính

của Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo Kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 28. Quan hệ với bộ máy điều hành Công ty

1. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành của Giám đốc Công ty, HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt. Hàng năm, HĐQT có kế hoạch làm việc với các phòng, ban của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các quyết định của HĐQT và để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. HĐQT sử dụng các phòng, ban chức năng và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.

3. Thư ký HĐQT có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi và đến của HĐQT theo quy định về quản lý tài liệu của Công ty.

4. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

5. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu phải được quản lý riêng.

6. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty.

Điều 29. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

2. HĐQT tạo cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Điều 30. Quan hệ với cổ đông

1. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của

Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. HĐQT, thành viên HĐQT và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

2. Tổ chức, cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

Điều 32. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của HĐQT trên cơ sở ý kiến đề nghị của các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty hoặc khi có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan.

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 5 Chương 33 Điều và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và Các phòng, ban trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:
- UBND thành phố Cần Thơ,
- Sở Tài chính.

Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước về những nội dung biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty.

Công ty đã hoàn chỉnh dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang. Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang kính trình Sở Tài chính tham mưu trình UBND thành phố thống nhất cho Người đại diện phần nước Nhà nước biểu quyết, nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị năm 2021	**Quy định tại Dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung năm 2026**	**Căn cứ sửa đổi**
Điều 2. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 1. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT	**Điều 2. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT** 3. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT	

gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Công ty. 2. HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo điều 27 của Điều lệ Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.	gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Công ty. 4. HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo ~~điều 27~~ Điều 33 của Điều lệ Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.	Cập nhật theo số Điều của Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026
Điều 3. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT 1. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo Điều 29 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau: a. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; b. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; c. Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ các kỳ họp HĐQT. d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế này.	**Điều 3. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT** 3. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo ~~Điều 29~~ Điều 35 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau: e. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; f. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; g. Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ các kỳ họp HĐQT. h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy	Cập nhật theo số Điều của Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026

2. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không thực hiện nhiệm vụ được thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.	chế này. 4. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không thực hiện nhiệm vụ được thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.	
Điều 6. Chức năng điều hành của Giám đốc 1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. 2. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về hoạt động điều hành Công ty .	**Điều 6. Chức năng điều hành của Giám đốc** 3. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. 4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại ~~Điều 32~~ Điều 38 Điều lệ Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về hoạt động điều hành Công ty .	Cập nhật theo số Điều của Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026
Điều 8. Chế độ làm việc của HĐQT 1. HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một	**Điều 8. Chế độ làm việc của HĐQT** 1. HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một	

lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập để xem xét và quyết định những vấn đề trong nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT hoặc không có điều kiện để triệu tập cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Quyết định của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. 2. HĐQT có thể họp bất thường theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này. 3. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, chịu trách nhiệm về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình. 4. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Quyết định của HĐQT.	lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập để xem xét và quyết định những vấn đề trong nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT hoặc không có điều kiện để triệu tập cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Quyết định của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. 2. HĐQT có thể họp bất thường theo quy định tại ~~Điều 30~~ Điều 36 Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này. 3. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, chịu trách nhiệm về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình. 4. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Quyết định của HĐQT.	Cập nhật theo số Điều của Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026
Điều 15. Quyết định của HĐQT 1. HĐQT sẽ ban hành quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận tại cuộc họp của	**Điều 15. Quyết định của HĐQT** 6. HĐQT sẽ ban hành quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận tại cuộc họp	

HĐQT. Quyết định của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp. 2. Nguyên tắc thông qua Quyết định của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT (có mặt hoặc người được ủy quyền hợp lệ) có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 3. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Quyết định của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT. 4. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về Quyết định của HĐQT bằng hình thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn 01 giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 5. Thành viên Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề	của HĐQT. Quyết định của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp. 7. Nguyên tắc thông qua Quyết định của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT (có mặt hoặc người được ủy quyền hợp lệ) có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 8. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Quyết định của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT. 9. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về Quyết định của HĐQT bằng hình thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn 01 giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	

xuất nào mà thành viên đó có lợi ích cùng với lợi ích của bất kỳ những Người có liên quan nào mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phần, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ hợp đồng quy định tại Điều 27 điều lệ Công ty sẽ được coi là lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	10. Thành viên Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích cùng với lợi ích của bất kỳ những Người có liên quan nào mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phần, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ hợp đồng quy định tại ~~Điều 27~~ Điều 33 Điều lệ Công ty sẽ được coi là lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Cập nhật theo số Điều của Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026
Điều 26. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền 1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.	**Điều 26. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền** 1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.	

2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước HĐQT về: a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được HĐQT phê duyệt. b) Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty; 3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý cổ đông, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; lập các báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.	2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước HĐQT về: a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được HĐQT phê duyệt. b) Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty. 3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý cổ đông, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; lập các báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo quy định Luật số 68/2025/QH15

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong văn bản này là không thay đổi.

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMTNT HẬU GIANG
(BAN KIỂM SOÁT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/TTr-BKS

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Hiện nay có một số thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật của Nhà nước về doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng được sửa đổi, bổ sung. Do đó cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty để phù hợp với quy định hiện hành.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang được sửa đổi, bổ sung năm 2026 theo bản Dự thảo đính kèm.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026 có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Lý Hạnh Phúc

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
(BAN KIỂM SOÁT)

Số: /QĐ-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày tháng năm 2026 (sửa đổi, bổ sung năm 2026);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCD ngày tháng năm 2026 về việc thông qua Điều lệ và các Quy chế nội bộ Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2026) *(Có bản quy chế kèm theo).*

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Các phòng ban trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lý Hạnh Phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

(sửa đổi, bổ sung năm 2026)

(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-BKS ngày tháng năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Đối tượng chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát:

a) Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong quản lý Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi tắt là Công ty);

b) Các hoạt động điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty;

c) Các chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo, và các hồ sơ có liên quan của Công ty.

3. Đối tượng áp dụng:

- Ban Kiểm soát; thành viên Ban Kiểm soát;
- Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị;
- Cổ đông của Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn;
- Giám đốc và bộ máy điều hành;
- Đơn vị, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, giám sát quản lý, sử dụng vốn Nhà nước, việc ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Công ty.

3. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban

Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách, độc lập trong nghiệp vụ, đảm bảo tính tuân thủ. Trưởng Ban Kiểm soát là người đưa ra kết luận cuối cùng trong các cuộc họp nội bộ của Ban Kiểm soát.

4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

5. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.

CHƯƠNG II
CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY, QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty hiện tại là 03 (ba) người. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm

ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 4. Bộ máy giúp việc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát được sử dụng các nguồn lực của Công ty, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Ban Kiểm soát được sử dụng Thư ký và các trợ lý, bộ máy giúp việc của các phòng nghiệp vụ để thực hiện một số công việc tại các cuộc họp Ban Kiểm soát và các công việc khác có liên quan.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Nhiệm vụ:

a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế quản trị doanh nghiệp của Công ty;

đ. Giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty; giám sát việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp);

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát.

2. Quyền hạn:

a. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty;

b. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được sự đồng ý của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty: yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác hoặc đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Kiểm soát;

3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký báo cáo sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

5. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;

6. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cuộc họp khác; phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết;

7. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát;

9. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

10. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;

11. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công về quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát;

12. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. Thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;

13. Có quyền yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

14. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của cổ đông và Công ty;

2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;

3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;

4. Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chứng từ, sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính, các hồ sơ khác và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);

5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty (thông qua Trưởng Ban Kiểm soát) cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành khi được phân công, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thì được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

9. 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc vượt quá thẩm quyền được giao;

10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Công ty;

11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của cổ đông và Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của cổ đông và Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan:

a. Thành viên Ban Kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty bao gồm:

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và Người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người khác đứng tên quản lý trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc số cổ phần đó;

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng số cổ phần hoặc phần vốn góp từ 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

b. Việc kê khai quy định tại mục a khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

c. Việc kê khai quy định tại mục a khoản 4 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho cổ đông của Công ty và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường:

a. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại đến Công ty thì thành viên Ban Kiểm soát vi phạm phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được từ các vi phạm nêu trên phải hoàn trả cho Công ty.

b. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát để yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VỀ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát (trong danh sách dự kiến đã được chấp thuận) được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

a. Họ tên, ngày tháng năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;

đ. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

e. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Ban Kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Việc đề cử ứng viên Ban Kiểm soát mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

4. Trường hợp các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty:

1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;

3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

5. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

6. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của bất kỳ doanh nghiệp nào;

7. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty (người có liên quan được quy định tại Điều lệ của Công ty).

8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và quy định của pháp luật;

c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, đạo đức nghề nghiệp trung thực và hiểu biết pháp luật;

d. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

đ. Có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên; am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;

e. Không phải là người có liên quan của người quản lý Công ty;

f. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

g. Các tiêu chuẩn khác theo Điều 169 - Luật Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát có ít nhất 01 (một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:

a. Mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

b. Chết;

c. Vi phạm các quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng thành viên trong Ban Kiểm soát. Trưởng Ban là thành viên làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm một hoặc một số lĩnh vực công việc theo sự phân công của Trưởng ban; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về quyết định và hành vi của mình.

3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định tài chính 06 (sáu) tháng, báo cáo của Ban Kiểm soát

trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 14. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quyền lợi khác và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác như người quản lý của Công ty, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban Kiểm soát được Công ty thanh toán theo quy định.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Các quyền lợi khác theo Điều 170 – Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ban hành các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 05 (năm) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang bằng nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị;

c. Trưởng Ban Kiểm soát;

d. 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát;

đ. Giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Trong các cuộc họp của Ban, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

6. Địa điểm họp: các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác do Trưởng Ban Kiểm soát quyết định.

Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành họp của Ban Kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 03 (ba) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, kèm các tài liệu liên quan, phiếu biểu quyết (nếu có). Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Trưởng Ban Kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

4. Trường hợp triệu tập Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm ngày) tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội

đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của thành viên Ban Kiểm soát không tham gia dự họp.

Điều 17. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên tham dự sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Quyết định của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

5. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề nào đó, thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát có mặt tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban Kiểm soát;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến;

đ. Phương án biểu quyết, gồm: tán thành, không tán thành,và không có ý kiến;

e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g. Họ và tên, chữ ký của thành viên được lấy ý kiến và Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 18. Biên bản họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát và ký tên vào biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại Ban Kiểm soát theo quy định của tài liệu mật, do Trưởng Ban Kiểm soát quản lý và chỉ cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông;

* *Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải có những nội dung sau:*

- Ngày, tháng, năm họp; Giờ bắt đầu, giờ kết thúc;

- Ghi rõ cuộc họp là định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;

- Thành phần tham gia họp/ những người vắng mặt;

- Những nội dung được đưa ra trao đổi;

- Kết luận và biểu quyết về từng vấn đề.

CHƯƠNG V

QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN, TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin và tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát nhận được các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;

b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo quản trị, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

d. Các báo cáo gởi các Sở, Ban, ngành... của Công ty;

đ. Các văn bản, quyết định, tài liệu do Công ty phát hành;

e. Các văn bản, quyết định, tài liệu khác.

2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nếu một thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban Kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu (các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính và các chi nhánh, xí nghiệp) liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc. Tuy nhiên, việc tiếp cận các thông tin, tài liệu hoặc đến các địa điểm làm việc nêu trên phải được thông qua và có sự chấp thuận của Giám đốc hoặc Trưởng Ban Kiểm soát trước khi thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban Kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban Kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Công ty và pháp luật.

2. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ trong vòng 02 năm tiếp theo.

4. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Quan hệ với các cổ đông:

a. Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban Kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

b. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và gửi báo cáo theo quy định.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan;

b. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát và thực hiện báo cáo kết quả giám sát theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát và những đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận của Hội đồng quản trị;

c. Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đảm bảo Ban Kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này;

d. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Giám đốc về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng cổ đông.

4. Quan hệ với Ban Giám đốc:

a. Ban Giám đốc đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan;

b. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp Ban Giám đốc hoặc các cuộc họp khác;

c. Ban Giám đốc và người quản lý Công ty thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban Giám đốc và người quản lý Công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát;

d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý Công ty cần báo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát (báo cáo bằng văn bản);

đ. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định. Giám đốc thông báo cho BKS những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, kiến nghị để Ban Kiểm soát theo dõi.

5. Quan hệ với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

a. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

b. Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, giám sát chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo

của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 22. Điều kiện đảm bảo vật chất làm việc của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát được sử dụng máy móc, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát;

- Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu, văn bản của Ban Kiểm soát hoặc tài liệu có liên quan, kể cả các khiếu nại của cổ đông đến Ban Kiểm soát một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.

Điều 23. Khen thưởng và kỷ luật

1. Thành viên Ban Kiểm soát được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty.

2. Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm soát tiến hành tổ chức việc đánh giá hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật để Hội đồng quản trị tổng hợp trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 6 Chương, 26 Điều, được thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Ban Kiểm soát thực hiện và có hiệu lực thi hành khi được đa số các thành viên Ban Kiểm soát chấp thuận; và có sự đồng thuận của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng các phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và

Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lý Hạnh Phúc

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:
- UBND thành phố Cần Thơ,
- Sở Tài chính.

Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước về những nội dung biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát của Công ty.

Công ty đã hoàn chỉnh dự thảo Quy chế hoạt động Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang. Người đại diện phần vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang kính trình Sở Tài chính tham mưu trình UBND thành phố thống nhất cho Người đại diện phần nước Nhà nước biểu quyết, nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Quy định tại Quy chế hoạt động Ban kiểm soát năm 2021	**Quy định tại Dự thảo Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung năm 2026**	**Căn cứ sửa đổi**
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát 1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động	**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát** 1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt	

kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông.	động kinh doanh, giám sát quản lý, sử dụng vốn Nhà nước, việc ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông.	Bổ sung theo quy định Luật số 68/2025/QH15
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Công ty.	2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Công ty.	
3. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách, độc lập trong nghiệp vụ, đảm bảo tính tuân thủ. Trưởng Ban Kiểm soát là người đưa ra kết luận cuối cùng trong các cuộc họp nội bộ của Ban Kiểm soát.	3. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách, độc lập trong nghiệp vụ, đảm bảo tính tuân thủ. Trưởng Ban Kiểm soát là người đưa ra kết luận cuối cùng trong các cuộc họp nội bộ của Ban Kiểm soát.	
4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.	4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.	
5. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và	5. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát	

có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.	và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.	
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau: 1. Nhiệm vụ: a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;	**Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát** Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau: 1. Nhiệm vụ: a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;	

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;	d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế quản trị doanh nghiệp của Công ty;	Bổ sung theo quy định Luật số 68/2025/QH15
	đ. Giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty; giám sát việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.	
đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp);	e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp);	
e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;	f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;	

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát. 2. Quyền hạn: a. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty;	Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát. 2. Quyền hạn: a. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty;	

b. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;	b. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;	
c. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;	c. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;	
d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	
đ. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:	đ. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:	
- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;	- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;	
- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;	- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;	
- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi	- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi	

đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được sự đồng ý của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty: yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác hoặc đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình; - Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.	đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được sự đồng ý của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty: yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác hoặc đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình; - Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.	

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong văn bản này là không thay đổi.

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: 17/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ yêu cầu quản trị, điều hành thực tế tại Công ty, Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát Công ty, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Đề nghị xem xét miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty đối với:

- Họ và tên: Bà Lý Hạnh Phúc;
- Số CCCD: 093179007434 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 26/8/2021
- Địa chỉ thường trú: xã Thạnh Hoà, TP Cần Thơ
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty;
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Xây dựng
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp

Lý do miễn nhiệm: Để điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty vì qua quá trình công tác, Hội đồng quản trị nhận thấy Bà Lý Hạnh Phúc là cán bộ có năng lực chuyên môn tốt, có nhiều kinh nghiệm trong công tác tài chính doanh nghiệp, kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí và phân tích hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Việc điều động, bổ nhiệm Bà

Lý Hạnh Phúc tham gia Ban điều hành giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty là cần thiết nhằm phát huy năng lực chuyên môn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

2. Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Đề nghị xem xét bổ nhiệm nhân sự từ nguồn cán bộ tại chỗ của Công ty giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty, cụ thể:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hằng;
- Số CCCD: 093189009581 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021
- Địa chỉ thường trú: Ấp Phương Quới, xã Phương Bình, TP Cần Thơ
- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài chính;
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán
- Trình độ lý luận chính trị:
- Chức vụ đề nghị bổ nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

(đính kèm Sơ yếu lý lịch)

Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật; có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6300330916 - C.T.C.P
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
VỊ THỦY - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hanh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Của ứng cử viên tham gia vào Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhiệm kỳ 2025 - 2030

- **Họ tên:** NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG
- **Giới tính:** Nữ
- **Ngày tháng năm sinh:** Ngày 22 tháng 4 năm 1989
- **Nơi sinh:** xã Vĩnh Tường , thành phố Cần Thơ
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **CMND/hộ chiếu số:** 093189009581 Cấp ngày 01/9/2021, tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** xã Vĩnh Tường , thành phố Cần Thơ
- **Địa chỉ thường trú:** Ấp Phương Quới, xã Phương Bình, thành phố Cần Thơ.
- **Số điện thoại:** 0939.776.110
- **Trình độ văn hóa:** 12/12
- **Trình dộ chuyên môn:** Đại học kế toán
- **Quá trình công tác:**

+ 8/2010 – 6/2020: Nhân viên phòng Tài vụ Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

+ 7/2020 –3/2022: Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính Công ty cổ phần Cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

+ 4/2022 – đến nay: Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty cổ phần Cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

- **Chức vụ công tác hiện nay:** Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty cổ phần Cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang
- **Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không
- **Hành vi vi phạm pháp luật:** Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty:** Không
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
- **Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:** 8.900 Cổ phần

+ Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu tại Công ty Cổ phần cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang.

+ Sở hữu cá nhân: 8.900 Cổ phần

- Những người có liên quan và số lượng cổ phần nắm giữ: Không có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 5 năm 2026

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi cá nhân đang làm việc)

M.S.D.N: 6300330916 - C.T.C.P
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
KV I THỦY - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Lòng

Ứng cử viên
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Hằng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Về việc thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang đã được thông qua ngày tháng năm 2026 (sửa đổi, bổ sung năm 2026);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang tổ chức ngày / /2025;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026..

3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2026 *(Theo nội dung Tờ trình số 19/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

Điều 2. Thông qua các Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026:

- Thông qua Phương án tăng vốn Điều lệ năm 2026 *(Theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán *(Theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

- Thông qua Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang *(Theo nội dung Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 *(Theo nội dung Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

- Thông qua Báo cáo thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và Kế hoạch dự toán Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên, Thư ký HĐQT, Người lao động và Ban điều hành *(Theo nội dung Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

- Thông qua các chỉ tiêu giám sát để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 của Công ty CP Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang *(Theo nội dung Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 theo quy định hiện hành *(Theo nội dung Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang).*

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang đã được thông qua ngày tháng năm 2026 (sửa đổi, bổ sung năm 2026);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang tổ chức ngày / /2025;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang theo Tờ trình số 14/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang theo Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang theo Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 4. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang theo Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 27/5/2026 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 5. Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang sửa đổi, bổ sung năm 2026 có hiệu lực áp dụng từ ngày được

Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ của Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Quy chế quản trị nội bộ Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang sửa đổi, bổ sung năm 2026 có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế quản trị nội bộ của Công ty năm 2021.

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang sửa đổi, bổ sung năm 2026 có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang sửa đổi, bổ sung năm 2026 có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động Ban kiểm soát của Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang./.

Nơi nhận:
- Như điều 6;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Lòng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang đã được thông qua ngày tháng năm 2026 (sửa đổi, bổ sung năm 2026);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang tổ chức ngày / /2025;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát Công ty theo Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Họ và tên: Bà Lý Hạnh Phúc;
- Số CCCD: 093179007434 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 26/8/2021
- Địa chỉ thường trú: xã Thạnh Hoà, TP Cần Thơ
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty;
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Xây dựng
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- Lý do miễn nhiệm: Để điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.

Điều 2. Thống nhất bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát Công ty theo Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 27/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể như sau:

Đề nghị xem xét bổ nhiệm nhân sự từ nguồn cán bộ tại chỗ của Công ty giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty, cụ thể:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hằng;
- Số CCCD: 093189009581 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021
- Địa chỉ thường trú: Ấp Phương Quới, xã Phương Bình, TP Cần Thơ
- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài chính;
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán
- Trình độ lý luận chính trị:
- Chức vụ bổ nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Lòng